# VĂN HỌC Nghệ thuật

*SÁNG TÁC ● NHẬN ĐỊNH*

TRONG SỐ NÀY :

NGUYỄN PHƯƠNG : CUỘC HÀNH QUYẾT NGƯỜI KHÔNG CHỊU LÀM BÙ NHÌN ● VÕ ĐÌNH : TRƯỜNG HỢP KUNIYOSHI ● ĐẶNG KHOA: ẢO MƠ ● NGUYỄN LƯƠNG : TU HÚ TRÊN RỪNG SIM ● TỊNH CƠ : TƯỞNG NHƯ ● LÊ NGỌC HỒ : TRÙNG DƯƠNG NỖI NHỚ ● NGUYÊN VŨ : NGÀY RỜI EAU CLAIRE ● NGUYỄN QUI NHƠN : NGÀY TA THÀNH MÂY ● HUY LỰC : TÀ ÁO VIỆT NAM ● LÊ THỊ HUỆ : CÁNH HOA TRƯỚC GIÓ ● TRẦN BÍCH TIÊN : NÓI VỚI EM LỚP SÁU ● HOÀNG VŨ D.V. : THƠ CAO TẦN ● THỜI SỰ VĂN NGHỆ ● THỜI SỰ CHÍNH TRỊ

**Số 12** NĂM 1979

tạp chí văn nghệ đầu tiên của người việt hải ngoại

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Chủ nhiệm: Võ - Phiến

Chủ bút: Lê - tất - Điều

Giám đốc trị sự : Trần-đình-Long

Địa chỉ mới của Tòa soạn :
P.O. Box 486, Westminster, Ca. 92683 USA.
Điện thoại : (714) 897-2476

MỤC LỤC

NHẬN ĐỊNH

| | | |
|---|---|---|
| Trường hợp Kuniyoshi | Võ Đình | 3 |
| Kẻ không chịu lãm bũ nhìn | Nguyễn Phương | 17 |

SÁNG TÁC

| | | |
|---|---|---|
| Ngày trời Eau Claire | Nguyễn Vũ | 22 |
| Tưởng như | Tịnh Cở | 26 |
| Trùng dương nỗi nhớ | Lê ngọc Hồ | 27 |
| Cánh hoa trước gió | Lê thị Huệ | 28 |
| Tu hú trên rừng sim | Nguyễn Lương | 46 |
| Ngày ta thành mây | Nguyễn QuiNhơn | 48 |
| Áo mở | Đặng Khoa | 49 |
| Tà áo Việt nam | Huy Lực | 56 |

TÌM HIỂU

| | | |
|---|---|---|
| Chữ nôm. | Văn Chương | 57 |

VĂN CŨ QUÊ XƯA

| | | |
|---|---|---|
| Nói với em lớp sáu | Trần Bích Tiên | 64 |

THỜI SỰ

| | | |
|---|---|---|
| Sách Việt hải ngoại | Hoàng Vũ Đ.V. | 68 |
| Thời sự văn hóa | Thạch tấm và Tống Quân | 82 |
| Thời sự chính trị | Hồ Bạch Vân | 89 |

PHỤ BẢN

# trường hợp
# KUNIYOSHI

*Suzume-no-ko sokonoke sokonoke ouma ga toru*
*ISSA* *

Trong Văn Học Nghệ Thuật số 5 (tháng 8/1978) có một bài "nói chuyện" về "hội họa Việt nam ở hải ngoại". Bài "nói chuyện" đã đề cập đến nhiều vấn đề, giải thích một hai thắc mắc, trình bày một số thực trạng, đặt ra vài ba câu hỏi. Nghi vấn thì nhiều, giải đáp lại lơ là. Cố nhiên, trong khuôn khổ một bài như vậy, không thể đi xa, đi sâu.

Nhưng kích thước eo hẹp của bài báo ngắn không phải là lý do duy nhất. Lý do chính yếu là có những câu hỏi không cần có trả lời: câu hỏi đã là một thứ trả lời. Bởi chăng thực trạng văn hóa là một thực trạng sống động, uyển chuyển, một cơ thể có thể là bạc nhược, có thể là tráng kiện, nhưng vẫn là một cơ thể với những cứu cánh

tối hậu của nó, nó phải tranh đấu để tồn tại và nẩy nở. Bài học của quá khứ, vì thế, tự nó đã tiềm tàng bước tiến của tương lai.

Bài "nói chuyện" có nhắc đến vấn đề *thành công* (hay thất bại) của họa sĩ Việt nam (có thể hiểu rộng hơn, của nghệ sĩ Việt nam nói chung) ở ngoại quốc, đặc biệt ở các nước Tây phương. Cái đó dễ hiểu: họa sĩ ta, hoặc đã rời quê hương trước 1975, hay mới sau đó, hiện đang sống một cuộc sống rất truân chuyên. Như gần hết mọi người khác, họ phải thường xuyên đương đầu với đời sống nơi đất khách quê người, với cuộc áo cơm nheo nhóc. Ngoài ra, những kẻ vẫn còn loay hoay (và kiêu hãnh) không ngừng với cái thực thể Việt nam trong thân xác và tâm hồn họ, còn phải tận dụng triệt để khả năng để cấu tạo nên những tác phẩm xứng đáng đối với chính họ, đối với nền văn hóa của ông cha, đối với tiêu chuẩn thế giới.

Khá lâu trước khi chúng ta, những nghệ sĩ Việt nam, đến Hoa kỳ đã có nhiều nghệ sĩ ngoại quốc lưu lạc tới đây. Hoàn cảnh có khác nhau, không gian thời gian có khác nhau, nhưng sự kiện một nghệ sĩ từ xa đến đây chung qui vẫn có những động cơ và diễn biến tương tự. Người viết có hai mục đích. Trước hết để bạn đọc, không những chỉ các bạn họa sĩ mà nói chung, nghệ sĩ trẻ có thể lấy đó làm một dấu mốc, một điểm tựa, để đi đến những nhận định, những giải pháp riêng tư (riêng tư chớ không lẻ loi). Sau nữa, đây cũng là một nén hương lòng thắp lên để nhớ kẻ đi trước.

Hôm nay, chúng ta hãy nói chuyện về Kuniyoshi tiên sinh.

## Y A S U O

Trong số những họa sĩ lớn nhất của Nhật bản từ xưa tới nay, có tối thiểu hai người đồng tánh. Họa sư Utagawa Kuniyoshi (1798-1861) được biết đến nhất qua những hình ảnh thần tượng tráng sĩ "uy phong lẫm lẫm", những bức họa quỷ sứ và ma quái rùng rợn. Nhưng Utagawa là

người của thế kỷ trước. Người chúng ta nói đến hôm nay là Yasuo Kuniyoshi, sinh vào thập niên cuối cùng của thế kỷ 19 (1893). Thế kỷ 20 bắt đầu thì Kuniyoshi đúng 7 tuổi. Đó là một cứ điểm thời gian đáng ghi nhớ.

Năm 1960, họa sư Asai Chū (s. 1856) lên đường đi "tu nghiệp" tại Pháp. Minh-Trị Mỹ-Thuật Hiệp-Hội, tổ chức văn hóa đầu tiên của Nhật bản với mục đích học hỏi và truyền bá hội họa theo đường lối Tây phương, đã được thành lập 11 năm về trước dưới sự lãnh đạo của Chū. Hai năm sau, 1902, Chū hồi hương, đem theo những họa phẩm đã sáng tác tại Âu như *"Chiếc Cầu Ở Grez"*. Chúng ta có thể quả quyết rằng Kuniyoshi chưa từng thấy những tranh "Nhật" phảng phất hướng vị Barbizon này. Lý do dản dị: cậu Yasuo còn bé quá. Cũng trong năm đó, Hishida Shunso (1874-1911) vẽ bức *"Chiều Quân Cống Hồ"*, một thứ Yamato-e mới, có ảnh hưởng một tí nào lối nhìn tân thời ba chiều nhưng đã mất khá nhiều cái phong vị nhí nhỏm sắc bén của các trường phái cũ.

Một trong những họa sĩ tiền bối thuở ấy mà ảnh hưởng Tây phương cũng rõ rệt, hay còn rõ rệt hơn ở Asai Chū là Kuroda Seiki. Ngày nay nhìn tranh Seiki, nếu dấu tên đi, ta có thể tưởng là một thứ Ấn-tượng-họa hạng tư. Cũng núi, cũng nước, cũng người đẹp (*bijin-ga*: mỹ-nhân-họa). Nhưng chỉ có từng ấy thôi. Nhật tính không còn nữa là bao. Phải đợi đến năm 1908-09, Fujishima Takeji, đã từng du học ở Ba-lê, La-mã, mới vẽ bức ***Bờ Hồ***. Họa phẩm đó làm chúng ta nghĩ đến Corot (Pháp), một thứ Corot ngang tàng hùng dũng hơn, nhưng cũng không tế nhị, tinh vi bằng Corot chính hiệu. Trong lịch sử hội họa Nhật bản, bức Takeji này có lẽ (đây là ý kiến riêng của người viết) là tác phẩm xử dụng bút pháp Tây phương một cách vững vàng, thành công nhất. Nhưng khổ thay (hay may thay !), năm ấy, Yasuo Kuniyoshi đã rời quê.

Yasuo đã rời quê hương Phù-Tang lúc mới 13 tuổi (1906). Không biết cậu bé 13 tuổi, khi ra đi nhìn lại, nhớ đến mỹ thuật nước nhà thì nhớ nhất đến ai, đến họa phẩm nào. Một thứ *văn-nhân-họa* lối thời ? Hay một thứ *Kano*

(có tính cách trang trí đài các hơn) mà không còn lãnh-chúa nào "bảo trợ" nữa ? Hay là một thứ Theodore Rousseau, một thứ Corot, một thứ Manet Viễn-đông, dầu có tài tình mấy đi nữa cũng không phải là thứ thiệt ? Nhìn lui thì thấy lỗi thời. Nhìn tới chỉ thấy một con đường mờ mịt. Cậu bé phân vân chăng ?

Người viết nghĩ rằng cậu bé chẳng phân vân gì cả. Bởi lẽ cuối triều Minh-Trị, một cậu bé 13 tuổi làm gì có cơ hội quan sát và nhận định một nền hội họa đang lúc giao thời ! Ta lại còn có thể nghĩ rằng nếu cậu đã có lúc ngắm xem, nghiền ngẫm tranh thì chắc đó chỉ là tranh *lối* cổ, theo kiểu Trung Hoa *Kara-e* ) nhấn mạnh: tranh *lối* cổ, chứ không phải *tranh cổ*). Mặc dầu sinh trước Kuniyoshi đến 12 năm (1881), Picasso lúc 13 tuổi đã có một kiến thức rộng rãi, một tầm mắt sắc bén kỳ lạ, và tranh ông ở tuổi đó đã chứng minh điều đó. Không những Picasso là... Picasso, mà còn là con yêu của một giáo sư Mỹ Thuật với một tài năng không phải là không đáng kể, mà còn là một kẻ sinh trưởng ở Tây Âu, với những trường phái, những tìm kiếm, những khám phá chặng cuối thế kỷ 19.

Cứ nghĩ đến cậu bé Nhật bản 13 tuổi, một thân một mình, "bước chân xuống thuyền, nước mắt như mưa", mà không thể không thương. Lloyd Goodrich, sau này đã từng làm Giám Đốc Bảo-Tàng-Viện Whitney của Hội-Họa Hoa kỳ, khi viết về Kuniyoshi đã nói rằng tiên-sinh xuất thân từ một "gia đình thương nghiệp khiêm tốn". Nhưng một người, yêu tranh Kuniyoshi không kém gì Goodrich, có lẽ còn hơn nữa, ông Atsuo Imaizumi, năm 1954 làm Phó-Giám-Đốc Viện Bảo-Tàng Mỹ-Thuật Quốc-gia tại Đông kinh, đã nhẹ nhàng đính chính: "thương nghiệp khiêm tốn", văn vẻ quá ! Theo Imaizumi, ông cụ thân sinh ra Kuniyoshi nghèo lắm, chuyên bán hạt dẻ, sau từng bấn phải đẩy xe bán rong. Chưa hết, Imaizumi còn tiết lộ: khi đi Mỹ, Kuniyoshi mới 13 tuổi ? Còn khuya ! Sau này, người Nhật chúng tôi khám phá ra là cậu ta đã 18 tuổi khi xuống tàu. Trốn lính Thiên-Hoàng đấy ạ.

Nhà nghèo, học xong Tiểu học, Kuniyoshi vào trường Kỹ Nghệ học... dệt và học nhuộm. Vốn liếng mỹ thuật có gì đâu, ngoài công trình đồ chép lại rai một vài hình ảnh trong sách. Học nghề chưa xong, Kuniyoshi cắt ngang, đi Mỹ. Không rõ khai gian là 13, thay vì 18, Kuniyoshi đã đi Mỹ như thế nào, ăn làm sao, nói làm sao ? Chỉ biết Kuniyoshi đi được. Và Imaizumi quả quyết Kuniyoshi đi để tìm sinh kế, hẳn để có ngày giúp đỡ gia đình. Còn khụya mới nghĩ đến chuyện ra đi để tìm một chân trời mỹ thuật mới, một thế giới tự do hơn, cho thỏa chí tang bồng !

Đến Los Angeles (1906), Kuniyoshi xin việc làm đường hỏa xa, rồi mùa đông thì xách hanh lý tại các khách sạn, mùa hè thì đi cày đi cuốc tại các nông trại xa ngoài thị trấn. Ban đêm, cậu ghi tên vào học tại Los Angeles School of Art and Design. Bốn năm sau (1910), Kuniyoshi khăn gói làm một chuyến Đông tiến, rồi định cư tại Nữu-Ước.

*(Người viết cũng xin ghi, để có cứ điểm thời gian mà nhận định: từ 1905 trở đi, đến mười mười lăm năm sau, cũng là thời gian những họa sĩ Việt nam, thế hệ Mỹ Thuật Hà-Nội, sinh ra đời. Các họa sĩ Tô Ngọc Vân, Lê Phổ, Nguyễn Đỗ Cung, Mai Trung Thứ, Lưởng Xuân Nhị, Nguyễn Tường Lân, v.v...)*

## HAI MƯƠI LĂM NĂM VIỄN XỨ

Năm 1906, Kuniyoshi đến Nam California. Hai mươi lăm năm sau (1931), được tin cha già ốm nặng, liền vội vã hồi hương. Đó là lần thứ nhất quay về Nhật bản ! Trong 25 năm ấy, Kuniyoshi đã vượt qua những thử thách nào, đã gặt hái những kết quả nào, đã khổ đau, ân hận, đã an lạc với những nỗi niềm riêng tư nào ? Cái đó khó biết rõ. Kuniyoshi không phải là Lautrec, là Cézanne, là Picasso. Lautrec nhậu nhẹt đĩ thõa ra sao. Cézanne buổi trưa ăn cơm uống mấy cốc rượu, Picasso không uống rượu, chỉ uống nước suối, chúng ta biết. Với Kuniyoshi, chúng ta

chỉ biết đến Nửu Ước, Kuniyoshi tìm được đất dụng võ. Cahng trai 17 tuổi (theo Goodrich), hay 22 tuổi (theo Imaizumi, đáng tin hơn) theo học với K.H. Miller, ghi tên ở xưởng vẽ Henri, gặp các bạn đồng môn như Stuart Davis, Alexander Brook, Reginald Marsh... Và năm 1922 (29 tuổi), triển lãm một mình (one-man exhibition) lần đầu tiên tại Daniel Gallery. Chật vật thế nào không rõ, thu xếp đi Âu châu được một chuyến năm 1925, rồi một chuyến nữa ba năm sau. Và cố nhiên, hội họa Pháp, Utrillo, Picasso, Soutina, đã đem lại cho Kuniyoshi những bài học và xúc cảm sâu đậm. Được tin cha già ốm nặng (trong thời gian xa cách, vẫn có thư đi từ lại thường xuyên, kèm theo cái tấm ảnh, cái chi phiếu...) Kuniyoshi lật đật hồi hương. Nhật báo lớn Mainichi tổ chức một triển lãm lớn cho đứa con thành tài.Học viện Carnegie trao Giải Thưởng Danh Dự. Năm sau về lại Mỹ thì được tin cha mất.

Đó là một mốc thời gian quan trọng: từ nay, Kuniyoshi hoàn toàn là một con người thực sự "trưởng thành" độc lập, *Con* đã lớn, và *Cha* đã mất, hiểu theo kiểu Jung. Hai mươi lăm năm đó là thời gian uốn nắn cấu tạo nên họa sĩ Kuniyoshi với tầm thước của một nghệ sĩ quốc tế. Năm 1932, Kuniyoshi mất cha, "mất" vợ (ly dị Katherine Schmidt, một bạn đồng học tại Art Students League), vẽ bức *"Con Hổ Đồ Chơi và Những Thứ Linh Kinh Khác"*.

Chúng ta chỉ cần nói rằng từ 1932 về trước, Kuniyoshi đã *cấu tạo nên được một bút pháp riêng biệt của mình.* Bút pháp đó mang nặng tính cách quốc tế (Mỹ, Pháp). Nhưng nếu đem nó so sánh với bút pháp của những kẻ đồng thời còn ở lại Nhật và sáng tác với vải và sơn dầu (như Kishida Ryusei, Saeki Suzo, như Koide Narashige, Nakamura Isune, như Yorozu Tetsugoro) thì không ai phủ nhận được sự kiên tuy Kuniyoshi "tân thời" hơn, nhưng vẫn là "Nhật bản", vẫn là "Phù Tang" hơn. Đó là một sự mâu thuẫn, không phải là một sư vô lý. Lẽ cố nhiên trong thời gian Kuniyoshi ở Mỹ, đi Pháp, còn có vô số đồng nghiệp ở Nhật vẫn tiếp tục đường lối *Kara-e* (Hoa), hay *Yamato-e* (Nhật), hay cổ điển Tàu *(Văn-nhân-họa).*

Nhưng không đời nào chúng ta lại đem Kuniyoshi đi so sánh với những người ấy. Hội họa truyền thống Nhật bản sau triều Minh-Trị, đối với kẻ viết bài này, thực chẳng khác chi hội-họa đời nhà Minh bên Trung Hoa cho lắm. Có những họa sư lỗi lạc, có những tác phẩm xuất chúng, rất đáng kính, đáng yêu. Nhưng vẫn là một thứ nhai lại tuyệt vời những chất liệu của Đường, của Tống, của Nguyên, Trong khi ấy, những kẻ trông vời sang Âu Mỹ, cầm bút lông cứng nhúng sơn dầu vẽ lên vải thô, lại chưa thấy hết vấn đề.

Chỉ ở Kuniyoshi mới có một cái nhìn độc đáo: đó là cái nhìn của một kẻ luôn luôn cầm kim chích vào đùi để khỏi thiếp ngủ. Cái nhìn đó được thể hiện trên mặt vải bằng những vạt lớn, thực tối, thực sáng, những nét sắc cạnh như nét dao chém. Đó là một nỗi thao thức chập chùng, một nỗi thao thức vừa mơn trớn vừa liều lĩnh, vừa bồng bột vừa khắc khổ. Và cái nhìn đó còn một tính chất đặc biệt khác hiếm có ở một nghệ sĩ gốc Á tại Mỹ: hoặc bộc phát từ tiềm năng vô thức Nhật bản, hoặc ảnh hưởng thấu nhận từ cảnh trời nước bao la "nguyên thủy" ở Mỹ quốc, tác phẩm Kuniyosh trước 1931-32 tuy là một nghệ thuật "tân thời" lại mang nặng một dị chất "man rợ", "sơ khai", một tính "primitive" độc đáo. Dị chất đó đã đành là không dính dáng gì với cái man rợ có dụng tâm, kiểu cách, của một Kokoshka (Áo), một Munch (Na-Uy), một Nolde (Đức), một Soutine (Lithuania-Pháp), một Permeke (Bỉ), hay ngay đến một Picasso (Tây-Ban-Nha-Pháp). Trong cái "man rợ" của Kuniyoshi có một sự chiêm bái thiên nhiên chân thành, một niềm tin cẩn ở thiên nhiên vạn năng vạn lực mà ta chỉ thấy ở một Sesshū hay một Sesson từ triều Ashikaga của thế kỷ 15 ở Nhật bản. Nhưng thay vì một thiên nhiên uy nghi lẫm liệt của hai vị họa thánh đó, thiên nhiên Kuniyoshi bàng bạc một nỗi quạnh quẽ bao la, không hẳn là u sầu, nhưng cũng không thể gọi là u tráng được.

## TỨ THẬP CHI BẤT HOẶC ?

Tình trạng dần dần biến dạng trong thời gian Kuniyoshi ở Âu Châu về (1918), rồi đi Nhật về (1932). Từ đó cho đến đầu thập niên 40, đến cuộc gia nhập Đệ Nhị Thế Chiến của Hoa kỳ, Kuniyoshi chuyển hướng rõ rệt. Ảnh hưởng sâu sắc của nghệ thuật và kỹ thuật sơn dầu ở Âu Châu lôi kéo Kuniyoshi ra khỏi vũ trụ ảo tưởng mà trong một thập niên, từ ngày mới bước chân vào nghề, trưng bày một lần thứ nhất (1922), tiền sinh đã ngâm mình một cách say đắm lặng lẽ. Tranh Kuniyoshi vững chắc hẳn lên, một nghệ thuật có thực chất, gần như một nghệ thuật trực tiếp của xúc giác. Thay vì phong cảnh tưởng tượng, Kuniyoshi quay về tĩnh vật, vẽ những đồ vật tầm thường hàng ngày: cái ghế, tờ báo, cái lò, quyển sách. Thay vì vẽ những người đàn bà có tính cách chung chung, một thứ E-và, một thứ tượng trưng cho nguyên tắc Âm hay Nữ, Kuniyoshi dùng ngòi bút vuốt ve, mơn trớn, vỗ về những thiếu phụ dáng dấp dầy đà khỏe mạnh nhưng lại có vẻ uể oải chán chường, trang phục xuề xòa hở hang, từ mái tóc đến ngón chân tràn trề một thứ tình dục man dại. Tuy man dại nhưng nhục tính của Kuniyoshi vẫn có một cái gì vĩ đại vững vàng, không bệnh hoạn như chúng ta thấy ở Pascin, không khinh miệt như ở Grosz.

Nhưng ảnh hưởng Tây Âu đó không kéo dài. Thay vì vận dụng triệt để lý trí và óc giải tích đến cùng độ, hoặc xem màu sắc, đường nét, bố cục, là cứu cánh tối hậu (như những họa sĩ lớn đương thời đang làm), Kuniyoshi ấp ủ hình thái tranh mình trong một thực tại "vật chất" hơn, rắn rỏi, linh động hơn. Không gian sâu, bí hiểm, sự vật sống động đến mức gây nên cảm tưởng như thể chúng đang thì thầm, rên rỉ, đang cười khanh khách, đang khóc tỉ tê. Màu sắc "kỳ cục" hơn, chưa từng thấy ở Đông hay ở Tây, những màu chàm tối, thỉnh thoảng lóe lên một cách đột ngột, bất thường. Trong lịch sử hội họa trên 1000 năm của Nhật bản chưa có tác phẩm nào mang những tính cách đó.

Còn một khía cạnh khác ở Kuniyoshi trong thời gian này mà người viết lấy làm lạ chưa có ai nói đến, kể cả L. Goodrich là bạn thân lâu năm của tiền sinh. Sau khi đi Âu về, rồi đi Nhật về, Kuniyoshi đã gọt dũa nên được một cái "thấy" khác, một cái "thấy" mà phải quay lui về quần đảo Phù Tang mới tìm thấy nguồn gốc. Những năm giữa thập niên 30, Kuniyoshi đã trên 40 tuổi, đã cư ngụ và sáng tác ở Tây Phương gần 30 năm trời. Đến Mỹ lúc còn trẻ nhỏ, vốn liếng văn hóa truyền thống lại chẳng có là bao, Kuniyoshi đã trở thành, người viết thiển nghĩ, một người Nhật-Mỹ thực thụ, một người Mỹ như sau này mot de Kooning (Hòa lan), một Gorky (Át-Mê-Ni) đã trở thành "Mỹ". Thế mà đến tuổi 40, Kuniyoshi lại quay về với một cá tính đặc biệt Nhật bản, mà Hoa, mà Hàn, mà Việt không có, hoặc chỉ có một cách sơ sài. Đó là cái khuynh hướng dễ bị lôi cuốn của tâm hồn Nhật bản đối với sức ám ảnh, sức quyến rủ của thế giới u trầm rùng rợn của quỉ sứ tinh ma, của máu me, của sát hại. Goodrich ngắm những tranh tĩnh vật của Kuniyoshi và không thấy cái thế giới u u minh minh đó. Ông chỉ thấy *"chung* (những tĩnh vật) *không những là một mớ đồ vật linh kinh được bày biện ra trước mắt: chúng có một yếu tố tượng trưng nào đó, gây cho ta cái cảm tưởng chúng là những gì đó nữa, chúng còn có một hiện hữu, một thực tại nào đó nữa* **

Người viết dám nghĩ rằng *"thực tại nào đó"* là cái thực tại đã có mặt trong vô thức của Kuniyoshi, và như Jung sẽ không lấy làm bất đồng ý kiến, thực tại ấy là một tiếng còi báo động cho những đổ vỡ ghê gớm sắp đến, và riêng cho tiên sinh, những khắc khoải cấu xé quặn đau. Thực tại ấy, như lịch sử đã chứng minh cho Kuniyoshi, đã bùng nổ với Trân-Châu-Cảng và sự gia nhập chính thức của Hoa kỳ vào Đệ Nhị Thế Chiến. Năm 1941, Kuniyoshi làm một chuyến Tây-du, lần thứ nhất kể từ ngày rời Los Angeles sang Nữu Ước 31 năm về trước. Bức *"Nevadaville"* (1942) mới trông ngỡ là một thị-trấn nhỏ bé vắng người, một thứ "ghost-town" rải rác ở miền đông Cali. Một tranh

phong cảnh hấp dẫn với cái tính chất bản xứ của nó. Nhìn lại thì phải thấy cái không khí ghê rợn, cái u ám nặng nề đó chỉ có thể là của một thế giới tàn tạ, của một quê hương (thứ nhất ?, thứ hai ? ) tan nát, một bầu trời mất điểm tựa.

Năm ấy Kuniyoshi đã 49 tuổi. Có sự tiếc nuối nào chăng ? có niềm khắc khoải nào chăng ? Con chim đã mỏi cánh, đã xơ xác quá rồi, muốn bay về tổ chăng ? Tổ có còn chăng ? Cả Goodrich lẫn Imaizumi không nói gì đến việc này cả. Những nghi vấn đó, chúng ta không giải đáp hoàn hảo được, nhưng chúng ta có bổn phận phải nêu ra.

Chiến cuộc thế giới chấm dứt năm 1945 (một cách tạm thời), cũng là năm Kuniyoshi vẽ bức *"Ngựa Đứt Đầu Còn Muốn Nhảy Vọt"*, rồi *"Em Bé Chạy Nhanh Đi Không Chết"* (1945-46), rồi *Người Hề Mệt Mỏi"* (1946). Trò hề đã chấm dứt, buổi xiệc bế mạc, người hề miệng cười méo xệch. Imaizumi không đả động gì đến những ray rứt của Kuniyoshi trong thời gian khủng hoảng này. Nhưng là một học giả biết tự trọng, ông đã thẳng thắn cho ta biết rằng những gì mang nặng tư tưởng siêu hình và tượng trưng trong tác phẩm của Kuniyoshi thời gian đó không phải là những gì sâu sắc nhất, viên mãn nhất. Ông bảo trong hoàn cảnh tại Mỹ quốc, có thể "đúng như vậy","hẳn là vậy". Nhưng với con mắt của một thẩm-mỹ-gia Á-đông suốt đời sinh sống tại Nhật-Bản, ông thấy có một sự "nông cạn", một sự dễ dãi nào đó mà ông không "chịu". Không "chịu", nhưng vẫn yêu. Và ông yêu là phải: hai năm sau Thế Chiến Đệ nhị, người viết nghĩ, Kuniyoshi đã không làm cho Imaizumi chờ đợi hoài công. Bức *Đây là Sân Chơi Của Tôi"* (1947) là một sự đi tới lớn mạnh. Tính chất tượng trưng vẫn còn (lá cờ Nhật tả tơi, mặt trời mọc trong cờ màu đen mốc, ngon tay trỏ, tấm lịch (?) 4 tháng 7 (July Forth), đứa bé chạy trong khung cửa nhỏ (hay tấm gương soi mặt ?) những dụng ý trừu-tượng-hóa đã rõ rệt, dọn đường cho một cuộc di xa.

## HOA ĐÀO NĂM NGOÁI ...

Qua một vài năm, tuy đề tài không thay đổi lắm (người-hề, quả-phụ, khiêu-vũ hóa-trang...) ngoại trừ vài hình ảnh đặc dị của Nhật-Bản như con cá giấy, một sự chuyển mình lớn lao mà đột ngột đã tới. Những vạt màu rộng lớn thêm ra, không gian hai chiều trước kia (Đông phương) sâu thêm thành ba chiều (Tây phương) nay lại trở về với hai chiều như thời gian Kuniyoshi chưa đi Âu, chưa về Nhật. Và quan trọng hơn hết, tranh Kuniyoshi bỗng như được nhìn qua một lăng kính khác: màu sắc biến dạng, tươi sáng hẳn lên, những màu đỏ son, hồng đào, những màu vàng nghệ, xanh lơ, tím hoa cà, những màu trắng mây mù, xanh cỏ dại. Chiến tranh đã kết liễu, hai nước Hoa kỳ và Nhật bản lại giao hảo. Năm 1948, Viện Bảo Tàng Whitney trưng bày một cuộc triển lãm toàn bộ (retrospective show) cho Kuniyoshi, và với công trình đó nói lên cho thế giới biết rằng Kuniyoshi là một *họa sĩ Mỹ.* (Bảo-Tàng-Viện Whitney chỉ trưng bày tranh của nghệ sĩ Mỹ-quốc mà thôi, người ngoại quốc không bao giờ được đặc ân này, ngay đến Picasso). Đối với họa sĩ Mỹ, một cuộc triển lãm toàn bộ tại Whitney có thể được xem như là một vinh dự thượng thặng, một lễ đăng quang. Năm 1952, tiên sinh được chọn lựa làm một trong bốn họa sĩ đại diện cho hội họa hiện đại Mỹ-quốc tại triển lãm Nhị-Niên Quốc tế ở Venice, Ý-đại-lợi.

Mười năm sau, 1962, người viết bài này (năm đó 28 tuổi) có cơ hội được nhìn thấy, lần đầu tiên, danh tính Yasuo Kuniyoshi và một vài bức tranh họa si đã sáng tác trong giai đoạn cuối những năm 40, đầu những năm 50. Đến nay mối xúc động vẫn chưa phôi pha. Vui buồn lẫn lộn. Bồi hồi không dứt. Hình thái của Kuniyoshi phảng phất quen thuộc, đã từng thấy rồi, nhớ rồi. Nhưng chính màu sắc Kuniyoshi mới là kỳ thú. Nỗi xúc động đó càng thấm thía khi chính ngay trong tiềm thức của người viết, chúng đã hiện diện rồi, mà chỉ mới chập chờn thấp thoáng thấy được, Thấy được nhưng vẽ ra không được, *chưa được.*

Bởi lẽ chưa đủ sức và kinh nghiệm để bắt nắm được ảo giác và kỹ thuật. Nhìn tranh, lạnh cả người. Đó là một sự trở về, một chu kỳ chấm dứt.

Hôm nay, muốn viết ra đây những gì đã cảm nhận hôm đó, lang thang một mình ở xứ lạ, bắt gặp được "cố nhân". Nhưng lại không muốn thất lễ với người đi trước, vì sau đó tìm tòi vớ được bài viết của Imaizumi năm 1954, đọc xong ngã ngửa, thì ra người ta đã làm việc đó rồi. Vì vậy xin dành lời cho kẻ đồng hưởng của Kuniyoshi tiên sinh:

*"Có một khía cạnh khá hay nữa tôi muốn nói đến (về sự thay đổi ở Kuniyoshi vào thời gian 1950). Đối với tôi hiển nhiên là Kuniyoshi đã dùng những màu sắc tươi sáng ấy không phải để diễn đạt một nỗi hân hoan đã tìm lại được hay một niềm an lạc đã được hồi sinh trong nghĩa thường được hiểu ở Tây phương. Ở Đông phương, chúng tôi biết -- và đây cũng là một yếu tố của triết-lý nhân sinh của chúng tôi -- rằng cái gì mà càng sáng sủa chừng nào thì lại càng tối tăm ngừng ấy, và lúc đó là lúc chúng ta có được một biểu tượng vô cùng sâu sắc.; chúng tôi biết rằng cách thức biểu hiện càng rực rỡ, cái bóng đen của niềm xúc cảm lại càng tối tăm"... "Bút pháp và kỹ thuật, của Kuniyoshi vào giai đoạn này, với phương cách gián tiếp tế nhị của nó, hơn là những lời minh thị thông thường của giai đoạn "tối" của ông, đã đâm xói đến tận cội nguồn tình cảm và tâm thần chúng tôi với một nỗi u hoài sâu đậm"... ****

Thiển nghĩ đó là một sự thành công lớn, lớn hơn cả được trưng bày toàn bộ tác phẩm mới cũ tại bảo-tàng-viện Whitney, hay đoạt Giải Nhất Hạng của Học Viện Carnegie (1944). Kuniyoshi đã nối liền được lục địa bấy lâu dung thân với quần đảo quê mẹ bên kia Thái-Bình-Dương.

Năm 1953, Yasuo Kuniyoshi qua đời tại Nữu Ước, hưởng thọ 60 tuổi. Tiểu sử còn cho biết tiên sinh mất vì bệnh nhọt (ulcers) trong bao tử. Chỉ cho biết thế thôi,

không thêm một lời. Cái bệnh tự nó không phải là chuyện trọng đại. Điều đáng chú ý là trong thời gian sắp từ tạ cuộc đời, họa phẩm của Kuniyoshi lại "tươi sáng" hẳn lên như một ngọn đèn bừng sáng trước khi tắt ngấm. Căn nguyên bịnh nhọt bạo tử, như nhiều người biết, có thể là hữu cơ, cũng có thể là vô cơ. Nếu là trường hợp sau, thử hỏi Kuniyoshi đã buồn bực, uất giận những gì ? Suốt đời tiên-sinh cần mẫn sáng tạo, hăng hái tham gia và hướng dẫn những tổ chức có mục đích khích lệ và che chở những nghệ sĩ tạo hình. Tiên-sinh không thiếu kẻ tri âm, lại được nhiều người hâm mộ. Cùng thế hệ với tiên-sinh có biết bao nghệ sĩ khác, Mỹ có, Nhật có, Âu có, cũng tài ba vượt bực, nhưng suốt đời lây lất, điên dại, sống và chết trong cô đơn, hất hủi và túng bấn. Bởi vì đâu mà một cậu con trai dưới 20, nhà nghèo, ít học, có cơ hội vượt Thái-Bình-Dương tìm đường tiến thủ, tuổi lục tuần đã bước đến đỉnh danh vọng nghệ thuật tại cả hai quê hương, một sinh thành, một dưỡng dục, lại chết vì bịnh thủng bao tử là cái bịnh của lo âu, khắc khoải, uất ức, tức bực ?

●

Chẳng biết nếu Kuniyoshi còn sống thêm mười, mười lăm năm nữa, có dịp ngắm tranh những nghệ sĩ Phù-tang khác tiếp tục tìm kiếm con đường mới tại Nhật Bản, tiên sinh sẽ thấy làm sao ? Tiên sinh là kẻ đã đi, rồi đã trở về, tiên sinh sẽ nghĩ gì khi thấy một họa-phẩm như bức ***Amano-Hashidate*** của Kawabata Ryushi (1885-1966) vẽ năm 1960 ? Tiên-sinh sẽ nghĩ gì khi thấy những họa phẩm của của những họa sĩ thế hệ em út con cháu, những họa sĩ Nhật cư ngụ và sáng tác tại Mỹ sau này như Okada, như Okamura ?

Cái tịch mịch tiên sinh đã đạt được trong những tranh vẽ hai năm trước khi tạ thế còn chồn dấu con sóng

ngầm nào mà đẳng đẳng gần nửa thế kỷ ở lục địa Bắc Mỹ này đã không múc cạn đi được ?

Rằm tháng Ba năm Kỷ Mùi
VÕ ĐÌNH

---

** Haiku của Issa (1762-1826) : Look out, my sparrow !/ Fly away ! Fly away ! See ? / A pony trots by /. Trích từ Birds, Frogs, and Moonlight, bản dịch Anh-văn của Sylvia Cassedy và Kunihiro Suetake, minh-họa của Võ-Đình (New York : Doubleday, 1967).*

*** và *** Kuniyoshi, ấn hành cho Tân-Mỹ-Thuật Quốc Gia Bảo-Tàng-Viện, Đông Kinh, bởi Bijutsu Shuppan-Sha, 1954.*

---

# nguyên vẹn

## □ truyện dài của VÕ PHIẾN

Đọc xong NGUYÊN VẸN tôi cứ nhớ tới cuốn "Giờ thứ 25" của Georghiu và cuốn "Bác sĩ Jivago của Pasternak...".

Tôi nghĩ rằng bất cứ một người Việt di cư nào, đọc NGUYÊN VẸN cũng phải lấy làm thích thú. Cái thích thú của kẻ, sau 3 năm lưu lạc giang hồ, chợt thấy lại một luỹ tre già, một giòng sông xưa, một mái tranh cũ...

Bác sĩ NGUYỄN ĐĂNG DIỆM
(Đất Mới)

# KẺ KHÔNG CHỊU

# LÀM BÙ NHÌN

Giáo sư sử học Nguyễn Phương, sau ngày 30–4–1975, trong thời gian tị nạn tại Hoa kỳ đã hoàn tất hai công trình biên khảo, cả hai đều viết bằng Anh ngữ : *Ancient History of Vietnam – A new Study*, và *A Parade of American Puppets*. Một cuốn viết về nguồn gốc khởi thủy của dân tộc; một cuốn về giai đoạn sau cùng của nước Việt-nam tự do trước khi rơi vào tay cọng sản.

Quan điểm về vấn đề nguồn gốc dân tộc của giáo sư Nguyễn Phương hồi còn ở trong nước đã gây ra những thảo luận khá sôi nổi trong giới sử học cả trong Nam lẫn cả ngoài Bắc.

Mặt khác, tình hình nam Việt nam sau 1954 cũng trách nhiệm của người Mỹ, đó là một vấn đề đang ám ảnh chính-giới cùng học giới cả Mỹ lẫn Việt.

Trong khi chờ đợi cuốn *A Parade of American Puppets* ra đời, chúng tôi xin đăng tải đoạn cuối cùng của tác phẩm do chính tác giả trích dịch.

V.H.N.T.

**Sau khi thuật lại cái chết của Ngô Đình Diệm, cô Higgins có đem ra vài ý kiến về sự nghiệp của vị Tổng Thống, cô nói :**

*Có lần Tổng thống Johnson đã gọi Diệm là "Winston*

*Churchill của Đông Nam Á". Lời khen ngợi này làm châu mày những kẻ tôn phò vị chính khách lỗi lạc của Anh-quốc và có thể cho là quá đáng. Nhưng Ngô Đình Diệm rõ ràng đã nổi bật lên trên các kẻ kể vị nông cạn và xu thời của ông như một ngọn tháp cao đến nỗi không sao so sánh được. Có lỗi lầm gì đi nữa, Diệm hiển nhiên đã tranh đấu theo lối Á đông của ông để đem lại cho dân chúng sự công bình tổng quát và một nếp sống ấm no hơn. Những kẻ chỉ trích ông ai cũng công nhận điều đó, và căn cứ trên sự nghiệp của ông thì trong một thời gian ngắn ông đã làm lợi cho dân ông hơn bất cứ một nhà lãnh đạo đồng thời nào của Đông Nam Á. (1)*

Theo cô Higgins căn nguyên của thảm kịch xảy ra cho Tổng thống Diệm là việc chính quyền Kennedy cố sức áp đặt "trên một quốc gia xa lạ, các cấp giá trị riêng của chúng ta, phương pháp riêng của chúng ta, đường lối dân chủ riêng của chúng ta và bị quốc gia đó cự tuyệt vì không hiểu hay vì chỉ hiểu được một cách lờ mờ. (2) Sự cự tuyệt của dân chúng Việt nam, như được thể hiện nơi vị Tổng Thống của họ, dường như đã bắt nguồn từ một nguyên nhân xâu xa hơn là vì không hiểu hoặc hiểu một cách lờ mờ nền văn hóa Mỹ. Thổng Thống Diệm và dân chúng Việt nam chống đối người Pháp không phải chỉ vì người Phap áp đặt trên họ nền văn hóa Pháp. Việc áp đặt này chỉ là một hậu quả. Cũng như sự người Pháp bóc lột dân chúng Việt nam cũng chỉ là một hậu quả. Chỗ cốt yếu của vấn đề đó là chủ quyền của Việt nam. Một khi chủ quyền này mất, không còn gì là đáng kể nữa.

Mỹ đã đến để giúp đỡ người Việt nam, không phải để bóc lột. Nhưng với viện trợ Mỹ, Mỹ đã tìm cách giẫm đạp lên chủ quyền Miền Nam Việt Nam. Tổng Thống Diệm không thể dung tha việc đó. Việc ông chống lại Chính quyền Kennedy là một việc chống đối khó khăn hơn và, vì đó, ý nghĩa hơn, bởi lẽ kẻ xâm lăng đang đội lốt một ân nhân. Dầu vậy, Tổng Thống Diệm có đủ sáng suốt để thấy nguy cơ và có đủ can đảm để đứng lên kháng cự. Khi ông bị lật đổ, có vẻ Chính quyền Kennedy đã thành công và Viện trợ Mỹ đã toàn thắng.

Nhưng ở Việt nam loại đắc thắng này không bao giờ có thể hoàn toàn, bởi vì như lời của William Lerderer, "cho dầu chúng ta tiêu hủy được Bắc Việt, giết được mọi tên Việt cọng, hay ký kết được một thỏa hiệp chấm dứt chiến tranh, đắc thắng vẫn còn xa vời và có lẽ không bao giờ có thể có". Và Lerderer cho biết tại sao. "Toàn thắng", ông nói, "có nghĩa là gánh lấy hoàn toàn trách nhiệm. Mà trí óc không sao chấp nhận được việc gánh lấy hoàn toàn trách nhiệm cho Việt nam," một quốc gia đã từng tranh đấu suốt cả lịch sử ngàn năm của họ để tự mình hoàn toàn gánh lấy trách nhiệm của mình (3).

Và vì đó, Tổng Thống Diệm chẳng những đã bị lật đổ mà còn bị giết. Ông từ chối không chịu lánh nạn ở đất khách. Ông không chịu giao vận mạng ông vào tay người khác, bất cứ người đó là ai. Lodge đã cố gắng nhiều để đem ông đến chỗ an toàn. Vị Đại sứ Mỹ đã phải nhờ đến cả Tòa Khâm Mạng để can thiệp cho Tổng Thống Diệm đổi ý. Nhưng vô hiệu. Tổng Thống Diệm cứ khăng khăng giữ ý định của ông cho đến chết và bất chấp chết, bởi vì bằng cử chỉ đó ông tỏ ra cho thiên hạ biết là ông vẫn nắm chặt chủ quyền đất nước của ông. Đó là lý do tại sao ông bị ám sát ngày 3 tháng 11, 1963. (4)

Với tất cả đó trong đầu óc, Tướng Thomas Lane so sánh như sau :

*Thảm trạng của cuộc bội phản này có thể đọc được nơi tư chất của những người đóng vai trong cuộc. Ngô Đình Diệm và bào đệ là Ông Nhu, xét về mặt giá trị căn bản của con người, như về trí thông minh, nhân nghĩa, chân chính và khôn ngoan, vốn vượt xa các chính khách của Kennedy, là những kẻ đã tiêu diệt họ. Chính sách Mỹ không phải chỉ phản ảnh sự suy nhược và bất nhất, mà còn tỏ ra thiếu sót một cách lố bịch trong những vấn đề chủ chốt. Đây là thảm trạng ngàn xưa của kẻ có đức bị sdt hại bởi hạng thất đức.*

Thế rồi, ông Tướng khen tặng Tổng Thống Diệm lời ngợi khen đích đáng. Ông Tướng nói, "Ngô Đình Diệm là

một trong những vĩ nhân thực sự của thế kỷ 20. Về mặt khôn ngoan, đạo đức, về mặt thành công trong những hoàn cảnh tràn ngập cam go, đức tính lãnh đạo và lòng yêu nước của ông đã đạt được chỗ tối cao rồi vậy." Tiếp tục so sánh, ông Tướng nói, "Nhìn lại thì thấy tài năng của cấp lãnh đạo Mỹ, cả ở ngành Lập pháp, cả ở ngành Hành pháp, đều thuộc hạng tầm thường."

Với lòng kính phục xứng đáng, vị Tướng Mỹ nhắc lại rằng: "Khi về nhận chức Thủ tướng Nam Việt nam, Ngô Đình Diệm tuyên bố với dân: "Tôi tiến, hãy theo tôi, tôi lui, hãy giết tôi, tôi chết, hãy trả thù tôi." Và Tướng Lane đi xa đến nỗi nói rằng, "Cái chết của Tổng Thống Diệm đã được trả thù bởi luật thiên nhiên trong việc 250 ngàn thanh niên Mỹ đã bị thương hoặc bị giết... Dân Mỹ đang trả đắt cái giá phẩm chất của cấp lãnh đạo họ đã bầu lên." (6)

NGUYỄN PHƯƠNG

*(1) Mrguerite Higgins, Our Vietnam Nightmare (New York, Harper and Row, 1965 trang 292.*

*(2) Sđd, trang 302.*

*(3) William J. Lerderer, Our Worst Enemy (New York, Norton and Company, 1968) trang 143.*

*(4) Marguerite Higgins trích dẫn lời một giáo sư triết cho biết tại sao Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã chọn con đường bị giết. Ông nói: "Nếu Diệm tìm an toàn ở một nước ngoài, ông sẽ làm mất hết giá trị của những điều ông vốn chủ trương. Nó sẽ làm cho dân mất tin tưởng nơi lòng chân chính và tư cách của ông. Nó sẽ tỏ ra là Diệm hèn nhát nếu ông chịu Mỹ giúp đỡ, nhất là khi Mỹ đã phản bội ông. Ông giữ vững các nguyên tắc về chủ quyền Việt nam. Ông đầu hàng với tướng lãnh Việt nam chứ không đầu hàng với người nước ngoài. Lịch sử sẽ ca tụng*

*việc đó. Có lẽ người Mỹ sẽ xử với ông tử tế hơn các tướng lãnh. Nhưng là người Việt nam, sẽ không hay gì cho ông nếu ông công khai tin cậy vào ngoại nhân. Vì là người Việt nam, ông đầu hàng với người Việt nam. Các tướng lãnh giết ông, các tướng lãnh sẽ mang lấy hậu họa. Sđd trang 297-298.*

*(5) Thomas A. Lane, America on trial - The War for Viet Nam (New Rochelle, N.Y. Arlington House, 1971) trang 140.*

*(6) Sđd, trang 142.*

**NGUYỄN PHƯỜNG**


SÁCH DO "NGƯỜI VIỆT" XUẤT BẢN :

| | |
|---|---|
| * TRUYỆN KIỀU của Nguyễn-Du | $ 3.70 |
| * LY HƯƠNG của Võ-Phiến và Lê-tất-Điều | 3.50 |
| * THƯ GỬI BẠN của Võ-Phiến | (hết) |
| * NGƯNG BẮN NGÀY THỨ 492 của Lê-tất-Điều | 3.70 |
| * ĐẤT NƯỚC QUÊ HƯƠNG của Võ-Phiến | (hết) |
| * KISSINGER TRONG BẪY SẬP của Phạm-kim-Vinh | 6.20 |
| * NGUYÊN VẸN của Võ-Phiến | 6.50 |
| * THƠ CAO TẦN của Cao-Tần | 2.50 |
| * ĐÓNG CỬA TRẦN GIAN của Lê-tất-Điều | 4.00 |
| * LẠI THƯ GỬI BẠN của Võ-Phiến | 4.00 |

*Thư từ và chi phiếu xin đề :*

*Mrs. Ngô Hồng Phúc*
*P.O. Box 486*
*Westminster, Ca. 92683*

# NGÀY RỜI EAU CLAIRE

*Gửi Mai Trung Tĩnh*

Hành trang đã thu xếp gọn ghẽ. *Hành trang.* Chữ nghĩa cũng dường mỉa mai. Mười cuốn sách cũ. Vài trăm trang bản thảo. Chút ít vật dụng khác. Hành trang tôi chỉ ngần ấy, sau gần ba năm vào đất Mỹ. Nhưng dầu sao thì cũng đã sẵn sàng cho một chuyến phiêu lưu mới.

Tâm định rời bỏ thành phố nhỏ và hiền hòa này quả thực đã khiến mí mắt cứng cay nhiều đêm khó giấc. Những đêm thật dài, nằm đó, hai con mắt mở. Ánh điện được tắt đi cho bóng tối giúp che khuất những gai góc bén lạnh của những thoáng hồi tưởng òa sập xuống lồng ngực như đá lở, kích xốc trên hệ não tựa những luồng điện cao thế. Những điếu thuốc được thắp lên để thấy mình ở đó – những ngày đêm đứt ruột, vỡ tim, nát óc trong trại tập trung Fort Chaffee; nhìn mình, nhìn những ảo vọng và lớp sương mù nghi hoặc loãng tan, trơ phơi những mắt đá tai mèo; nhìn người con gái mình đã yêu như trong một cơn mê suốt hơn mười năm dài, cơn mê tình ái mỗi lần gợi nhớ còn hằn xuống hồn sâu những vết roi cá đuối; nhìn về tương lai, tương lai đêm bão bùng biển động, tương lai mù sương nghi hoặc của đáy thẳm xã hội Mỹ, nơi những di dân còn cả những triền cao ngọn đỉnh trời Everest phải vượt qua để tạo dựng một đời mới – và rồi, ở đây, Eau Claire, Eau Claire của lá đổ mùa Thu, Eau Claire của những đóa hoa tuyết đầu tiên, của những tình trần quí khó phai mờ, của căn phòng nhỏ hẹp, tối tàn bắt gợi nhớ mùi hôi hám, oi nồng của phòng giam ANQĐ số 13, nơi những chú rệp háu đói có lẽ đã bắt đầu bị đồng loại rẻ rúng vì một lần, trót dại, bòn hút máu tôi cho sự sinh tồn. Những tiếng thở dài âm vang trong đêm như tiếng gió hú trường trên mộ địa, âm vang trong đáy thẳm hồn sâu những ngậm ngùi, cảm

khái ở nhận biết tuổi thanh xuân đã qua, những dấu chân ngập ngừng của tuổi già đã thoáng co ro sương sớm. Và rồi, như trong cơn địa chấn, như trong một phiên chợ ma, như trong ngày đại hội của những vong hồn uổng tử, trong tôi, bỗng chuếnh choáng tiếng pháo bom cày nát ruộng đồng, làng mạc, ngạo nghễ nhảy múa những ngọn lửa hồng, những cuộn khói xám chì mờ phủ mục tiêu, những thây ma vỡ nát, phình trương, chết đủ cách, đủ kiểu. Trong tôi, gợn lạnh tiếng thét rú thê lương của những kẻ bất đắc kỳ tử giữa trận tuyến, hay được khéo léo ngụy trang, che lấp bằng những bản nhạc quân hành, những bản cải lương mùi mẫn từ những chiếc loa phóng thanh của một trại cải tạo hay một trại giam cứu. Trong tôi, chập chờn nghiêng đảo những khuôn mặt phính tròn, dư thừa da thịt và lạc thú, nhòi buốt những tiếng cười khả ố của bầy quạ ưng chiến tranh nơi trà đình, tửu quán, công viên hay các dinh thự. Trong tôi, khắm khắc xuống thật sâu những nếp nhăn khắc nghiệt của thời gian và cơ khổ trên khuôn mặt ông lão bảy mươi đang nằm run dưới gánh củi độ nhật trưa cháy nắng thung lũng Quế Sơn; khô cằn rễ khoai, rễ sắn cũng như đay gai giữa hàm răng sữa của đứa cháu Nông Sơn vừa dứt vú mẹ. Trong tôi, hình ảnh những con tàu địa ngục vượt Thái Bình Dương mùa Xuân năm nào, những hình hài rũ mỏi, tả tơi trên những con lộ máu dẫn từ cao nguyên về hướng biển, từ Quảng Trị, Thừa Thiên đổ vào hay Quảng Tín kéo ra Đà Nẵng, những hoảng kinh và thô bạo của bầy thú điên trên những tàu, thuyền "tìm Tự Do." Trong tôi, như lửa bốc, như gió cuồng, như mật đắng, nỗi hổ nhục một đời của tấm thân bất hiếu, bất nghĩa, bất nhân, bất trị.

Nên đã hơn một lần tự hỏi ơn ích gì chiếc mũ bằng, manh áo thung và mớ kiến thức khoa bảng sẽ có ba năm nữa, ở một thành phố dưới đó, nơi những giảng sư và bạn đồng khóa đang nô nức đợi chờ ? Tấm thân phế vật chiến tranh, từng mảng tuổi trẻ ngạo mạn và những cơn say dài cuồng nộ đi vào những vùng trời bất trắc, mịt mù lửa đạn,

cách nào bỗng cải dạng người học giả, gật gù bình chuyện cổ kim, cao giọng tra vấn học thuyết này, triết thuyết nọ ? Tấm thân bất hiếu, bất nghĩa, bất nhân, bất trí, cách nào ngước mặt năm châu, ước mơ lưu danh thiên cổ ? Công danh nào cho gã bại binh ngu tối, từng nhảy múa hét hò, truyền đơn khẩu hiệu mà ngỡ tưởng thánh kinh, ngỡ tưởng sách trời ? Vinh hiển nào một đời lưu dân, trong một xã hội mà sự miệt thị trí thức và khoa bảng cũng hằn học và nghiệt ngã như sự kỳ thị chủng tộc ?

Nhưng rồi một quyết định đã được lựa chọn. Dầu sao thì cũng phải xuống đó. Nhanh thì ba năm chậm thì mười nam. *Một cuốn sách phải viết.* Cho những nấm mồ trắng lau triền đồi Nghĩa Trang Biên Hòa. Cho những tử thi được vùi lấp vội vàng nơi góc rừng, triền núi, bờ đê với những hàng chữ tấm nọc độc "Sống Oai Hùng, Chết Vĩ Đại." Cho những người đang chết dần mòn nơi những trại cải tạo, những khu vực kinh tế mới, hay những chiến trường vừa hực lửa hận thù nơi những địa danh quen thuộc Lưỡi Câu, Mỏ Vẹt, Rạch Giá, Hà Tiên... Cho những thế hệ đang chết dần mòn trên con đường dẫn về xã hội chủ nghĩa, những thế hệ mà dưới mắt những "vĩ nhân cách mạng xã hội chủ nghĩa, "những tâm trí vốn chật hẹp như ao tù, ruộng cạn, không thể không ngừng hiện diện, không thể không bị đào thải.

*Một cuốn sách phải viết.* Thực chăng chỉ là *cái cớ* để che đậy giấc mơ khoa bảng và sự tham sống sợ chết ? Thực chăng lại cũng cái động lực ước mơ lưu danh thiên cổ mà hơn hai ngàn năm xưa đã khiến Tư Mã Thiên ngậm nhục theo hầu xa giá Vũ Đế, dù đã ra thân tàn phế ? Thực chăng vẫn tựa người buôn đất cung trăng, chẳng hiểu văn chương, sử ký khăng thiết thực bằng bánh mì hay cơm gạo, không giúp được gì hơn cho bằng hữu và gia quyến đang thoi thóp mắc cạn ?

Một chiếc xe đẹp, một căn nhà mua trả góp, một

người vợ và một bếp lửa dưỡng có vẻ trái đất, thực tế hơn. Nhưng *tôi* có còn là *tôi* nữa đâu... Một đời một sách từ nay, xin được tha thứ và lãng quên, như đã tha thứ và lãng quên đời.

Giã biệt, *Eau Claire, Nước Trong,* nơi có những dòng tình người ngọt và trong giữa thế gian nhố nhuế bùn đen, phản trắc, lọc lừa.

Eau Claire 15/1/1978
NGUYÊN VŨ

**********

*Tủ sách* VĂN HÓA

đã phát hành MẬT LỆNH
Một trong vài cuốn tiểu thuyết đắc ý nhất của Nguyên Vũ. Truyện của những người lính, khi ngựa đã què, kiếm đã gãy, khi hào quang đã lạnh tắt, trở thành phế vật chiến tranh.
Giá $4.95 kể cả cước phí.

Sắp phát hành VÒNG TAY LỬA của Nguyên Vũ.
Trọn bộ 3 cuốn, có sửa chữa và thêm những chương bị kiểm duyệt.

Thư từ và bưu phiếu: PHẠM GIA KHÔI
1618 Missouri Place #A–4
Houston, TX 77006

# tưởng như

Cũng tưởng chiêm bao, tưởng mộng mơ
Tưởng sau hàng dậu bóng ai chờ
Chiều lên nhè nhẹ, khoan thai bước
Rớt xuống thinh không những sợi tơ

Cũng tưởng đêm qua, tưởng đêm nay
Tưởng me say ngủ, tưởng đêm dài
Sương khuya hiu hắt nằm trên cỏ
Nhấp mấy ly thơm, ngả ngớn say

Cũng tưởng ba say chiến trận xa
Thả hương khói đến kẻ xa nhà
Thoáng trông me khóc sau mành trúc
Đốt nến cười buồn, ta với ta.

TỊNH CƠ.
(Little Rock)

*

# TRÙNG DƯƠNG NỖI NHỚ

Nỗi nhớ thành băng, đau kết tinh,
Bao nhiêu sóng nước : bấy nhiêu tình.
Tim sầu đã xẻ làm hai mảnh,
Cách biệt trùng dương :biển Thái bình.

Mơn mởn màu xanh lúa tuổi thơ,
Cây đa, cô lái, bến con đò.
Mướp hương mát mắt màu hoa lý,
Gió mát, mùa trăng đầy ý thơ.

Nhiệt đới hương hoa dậy bốn mùa,
Hồn nồng Đất Mẹ nắng đủ thừa.
Nẻo vắng dẫn lối mồ tiên tổ,
Địa sử lừng danh vang bóng xưa.

Thôn cũ, lứng cau đứng thẳng hàng,
Nhẫn sông, cầu nhỏ bắc sang ngang.
Hương ngọt cốm xanh, hồng thắm đỏ
Ngát thơm vũi chín nhánh khoai vàng.

Biển cách phương trời ai có hay,
Tìm ai tê tái đất phương này.
Nửa hồn bến đó, phần hoang vắng,
Như khí thu về run gió may.

LÊ NGỌC HỒ

# CÁNH HOA TRƯỚC GIÓ

*LÊ THỊ HUỆ*

Tôi quen biết Liên trong dịp theo học lớp *English As Second Language*. Hồi đầu tiên đặt chân tới San Jose, tôi chẳng biết nhiều anh văn ngoài mấy câu nói: "*Hello, How are you today. I am fine, thank you*". Đó là vốn liếng anh văn còn sót lại của những năm trung học, của những giờ sinh ngữ phụ. Lúc tìm trường anh văn đi học, tôi nhờ người chị kiếm cho tôi lớp học sơ đẳng, căn bản nhất để tôi bắt đầu. Tôi được hướng dẫn đến lớp ông John.

Lớp học nằm trên tầng hai của một dãy lầu thuộc một nhà thờ Methodist trên đường số năm. Tôi đến lớp trong tâm trạng nửa chán nãn nửa hồi hộp. Chán nãn vì những thay đổi bất ngờ của cuộc tỵ nạn, tôi mất thăng bằng, hồi hộp vì không biết điều gì sẽ xảy ra cho những ngày tháng sắp tới. Do vậy, ngày khai trường hôm ấy không mang lại cho tôi một cảm giác thoải mái nào.

Lúc đến cao ốc, theo dấu mũi tên của tấm bảng trắng có hàng chữ đỏ: *Lớp Học Anh Văn Sơ Đẳng Dành Cho Người Tỵ Nạn Việt Nam*, tôi leo lên lầu đến một căn phòng sát chân cầu thang. Bên trong lớp học tôi thấy có tất cả năm người: Một vị giáo sư người Mỹ trạc ba mươi lăm, đang viết lên bảng hàng chữ: "*Good morning, how are you today ?*" Phía dưới có bốn người học trò đã lớn tuổi. Một thanh niên trạc hai mươi làm, vận một chiếc áo dày hàng vải lính. Cạnh anh ta là một vị nữ tu người ngoại quốc. Kế tiếp là một phụ nữ tuổi đã tứ tuần, khuôn mặt giống như người Hoa kiều ở Chợ lớn. Và cuối cùng là một cô gái nhỏ con, vận chiếc váy đầm màu ngựa vằn. Tôi đẩy cửa bước vào. Vị giáo sư nghe tiếng động quay lại. Tôi chưa biết phải mở đầu như thế nào, thì vị giáo sư đã chào tôi và bảo tôi đến kiếm một chỗ ngồi. Tôi đến cạnh người thiếu nữ vận áo ngựa vằn ngồi. Thiếu nữ ấy chính là Liên.

Giờ ra chơi hôm ấy, Liên tới hỏi chuyện tôi. Vẻ thân mật và nụ cười tươi của Liên làm tôi có cảm tình với nàng. Liên hỏi tôi:

-- Bồ cũng mới ra đây hả ?

Tôi đáp :

-- Vâng, em vừa mới ra khỏi trại khoảng hai tháng.

Liên trố mắt nhìn tôi :

-- Chèng đéc ơi. Ra hai tháng nay mà tới giờ này mới đi học anh văn. Tui mới ra bốn hôm rày hà; mà tui bắt xi-pông-xo kiếm trường cho tui học anh văn liền dzậy đó. Bộ bồ đau sao mà xanh dzậy ?

Tôi ấp úng. Biết trả lời thế nào. Hai tháng qua mặc dầu chị tôi hối thúc thế nào tôi vẫn không thể lấy lại quân bình tâm trí để có thể bắt đầu làm một việc gì. Tôi ở nhà nằm vùi trong phòng. Khóc lóc và nhớ nhung. Tôi đã có cảm tưởng toàn thân thể và trí óc tê liệt đến độ không thể nhúc nhích. Tôi gật đầu. Trả lời :

-- Vâng, em bị ốm nên nằm nhà.

Nàng bảo :

-- Ừ, chắc là nhớ nhà rồi sinh đau.

Rồi nàng hỏi tiếp. Mỗi khi hỏi điều gì nàng giương đôi mắt làm duyên, miệng nàng uốn éo cong cớ, giọng miền Nam của nàng nghe rất giòn.

-- Xì-pông-xo của bồ là ai dzậy ?

Tôi đáp :

-- Dạ chị của em.

Liên nói :

-- Chà dzậy sướng quá héng. Có chị có em ngon quá chời. Rồi nàng kể lể :

-- Tui hồi đó ở trại bảy. Camp Pentleton đó. Tui đi sang đây có một mình hà. Chèng đéc ơi, ai mà tính đi. Bữa hôm chiều ba mươi, tui đạp xe gắn máy ra bến tàu, thấy người ta leo lên tàu quá chời. Tui quăng xe, tui leo theo người ta tôi lọt sang đây. Tui ở trong trại lâu là vì muốn chờ gặp được xì-pông-xo tốt kia. Bị nếu mình gặp được xì-pông-xo tốt, mình mới có cơ hội đi lên được phải hông bồ. Tui được nhiều người pông-xo ra, nhưng thấy ở trong cũng vui nên tui rán chờ cho tới hồi tui gặp bà Cathy này tui mới ra.

Nghe Liên kể chuyện ra đi, tôi nhớ lại hoàn cảnh mình. Tôi ra đi hôm hai mươi sáu tháng tư. Ngọc, một người bạn thân của tôi đã cố nhét tôi vào danh sách gia đình nàng; những người được tòa đại sứ Hoa Kỳ dành cho một ưu đãi. Hôm ấy giữa không khí hỗn loạn mở hồ, tôi ra đi trong tâm trạng của một người trẻ muốn giang hồ phiêu lưu. Bây giờ ở mảnh đất lạ này, tôi mới biết cái chuyện ra đi ấy thật quan trọng.

Liên ngừng lại giây lát. Dáng nàng nhỏ xíu, cái dáng như đứa con gái mười ba mười lăm tuổi, tuy nàng đã

trạc hai mươi lăm. Giọng nói, khuôn mặt có vẻ đỉ thõa, nhưng duyên dáng. Tôi nghĩ đời nàng chắc phải nhiều lắc léo.

– Tui gặp bà Cathy này cũng tốt. Liên tiếp. Bà có cái nhà thiệt bự ở dưới đường Hai Mươi Sáu, lại vừa mới ly dị chồng. Chồng đéc ở, vợ chồng ăn ở với nhau bao nhiêu năm nay rồi, giờ tới hồi cơm hổng lành canh hổng ngọt, bà dọn hết đồ ông ra hổng nương tay. Dzậy mà bà thiệt tốt bụng. Pông-xo tui dzìa là dẫn tui đi may sắm: cho tui đi học anh văn liền hà. Cuối tuần rồi, bà dẫn tui đi Reno coi người ta đánh bài.

Liên nói thao thao về những tử tế của bà Cathy đối với nàng cho đến khi vào lại lớp học. Nào là bà Cathy dọn cho nàng một căn phòng tốt ở trên lầu, dẫn nàng đi khai welfare, đưa đón nàng đi học, cũng như đi dạo những phố tàu phố Nhật ở San Francisco và khắp nơi... Câu chuyện của nàng không có gì hấp dẫn, nhưng tôi như bị lôi cuốn bởi cái lối kể chuyện của nàng. Nàng kể chuyện nồng nhiệt tự nhiên và vui vẻ như một kẻ có tâm lý bình yên vững chắc. Nàng diễn tả những ý tưởng và tâm tình đơn sơ theo trí tưởng của nàng. Nhất là giọng Nam của nàng thật trơn tru giòn giã và dễ chịu đối với tôi, một người vốn đã có cảm tình với giọng nói này. Tôi đang ở trong trạng thái lơ ngơ khật khùng của những ngày đầu ở Mỹ. Khi được nghe Liên kể chuyện, tôi cảm thấy thoải mái như uống được một bát nước vừa ý. Do đó tôi có cảm tình với nàng.

Vì những cảm tình đặc biệt với con người đáng yêu của Liên, tôi thỉnh thoảng nhận lời đi dạo phố hoặc đi mua sắm với nàng. Thủa ấy chúng tôi vừa mới gia nhập đời sống Mỹ nên chưa biết mơ ước những thứ vui đắt tiền; chẳng hạn mơ ước làm chủ một chiếc xe đẹp để vừa hãnh diện với những người chung quanh để vừa được đi đây đó thỏa thích. Niềm vui của chúng tôi lúc

đó được Liên đơn giản hóa bằng hai chiếc đạp của nàng. Những chiều tan học, Liên thường rủ tôi đến phòng nàng, cho tôi mượn một chiếc xe đạp, loại xe đạp mà ở Mỹ chỉ dành cho trẻ con mười hai mười ba đạp rông trong xóm. Tôi và nàng thơ thẩn đạp xe lòng vòng dưới phố. Chúng tôi đạp xe trên những vỉa hè sạch sẽ, vắng ngắt bóng người. Tôi thường đi sau Liên, để cho nàng hướng dẫn những cuộc đi dạo xe đạp này. Sau này mỗi khi nhớ lại những kỷ niệm ngây ngô của những ngày bắt đầu cuộc sống ở Mỹ, tôi không thể nào quên được những cuộc đi đi dạo xe đạp với Liên dưới phố San Jose.

Mối thân giao giữa tôi và Liên cũng mờ mờ ảo ảo. Chúng tôi chỉ gặp nhau trong những lần đi học, đi dạo hay đi mua sắm chung. Nàng xem tôi như một nhân vật nào đó để nàng kể những câu chuyện của nàng hay để đi chơi chung một đôi khi. Tôi cũng thấy dễ chịu trong mối sơ giao ấy. Thỉnh thoảng Liên vô tình kể cho tôi nghe những câu chuyện mà qua đó tôi biết rằng nàng vẫn còn tiếp tục một phần nào cuộc sống cũ ở Việt Nam, cuộc sống của những người buôn hưởng bán phán. Dĩ nhiên Liên không bao giờ nói thẳng với tôi điều này cũng như tôi không bao giờ tỏ ý đụng chạm đến nghề nghiệp cũ của nàng. Những câu chuyện về quá khứ của nàng phần lớn là những câu chuyện vui vì cái lối kể chuyện của nàng hơn là thiên truyện quá khứ bất hạnh của một thiếu nữ.

Nàng kể cho tôi nghe những câu chuyện về những xóm làng, những quán chợ, những người bạn thửa thiếu thời cùng gánh nước mướn như nàng, về Tây Ninh nơi nàng sinh ra và lớn lên trong một không khí gia đình lùng bùng: Một đàn em lếch thếch, một bà mẹ ghẻ hiền lành, một ông bố thất nghiệp say sưa mù mịt. Năm mười chín tuổi, Liên bỏ nhà trốn lên Sài gòn. Nàng đăng vào nữ quân nhân. Ngày đầu tiên đăng đơn nhập ngũ, nàng bị ông linh nhận đơn hãm hiếp ở phòng khách đêm ấy.

Đôi khi, Liên kể cho tôi nghe nàng đã ngủ với những ông tá nào ở ngôi nhà ấy. Ngôi nhà ở Biên Hòa với những vách kính và chiếc giường Hồng Kông là kết quả của bao nhiêu năm nàng lăn lộn trong nghề. Câu chuyện về ngôi nhà ở Biên Hòa thường dẫn Liên tới niềm mơ ước của nàng là có thể sở hữu chỉ một ngôi nhà ở trên đất Mỹ này sớm chừng nào tốt chừng ấy.

Tôi chỉ có thể suy diễn cuộc sống hiện tại của nàng qua lời nàng phê phán về đời sống tình dục của những người đàn ông Mỹ. Nàng thường dí dỏm so sánh sự khác biệt giữa hai lối làm tình của đàn ông Mỹ và đàn ông Việt Nam. Tôi vốn thích nghe những chuyện phiêu lưu, vả lại Liên vốn kể chuyện hay nên tôi thường ngồi cỏ vỡ nàng kể chuyện. Những sinh hoạt của nàng bây giờ chỉ là những sinh hoạt lẻ tẻ. Nàng tỏ ý muốn gây dựng một cuộc sống mới tốt đẹp ở mảnh đất mới này.

Một hôm Liên đưa cho tôi xem tấm hình của một thanh niên lạ mặt. Nàng vừa cười vừa bảo tôi: "Tui lấy trộm trong ví ảnh đó. Coi được trai hông?" Tấm hình là một ảnh căn cước 4 x 6 cũ kỹ. Ở một góc còn mờ lại nét triện đỏ chứng tỏ hình được tháo gỡ từ một chứng minh thư nào đó. Người thanh niên trong hình trạc đôi mươi, khuôn mặt thư sinh, không mập không ốm, có đôi mắt sáng, sống mũi khá cao và chiếc miệng nghiêm trang.

Liên đứng nhìn tôi ngắm tấm ảnh. Nàng bảo:

-- Ảnh còn đi học như bồ đó. Nghe dâu trước ảnh học luật trong Đà Lạt. Bây giờ anh ở tuốt Arizona lận.

Tôi trao tấm hình cho nàng, bảo :

-- Gỗ hình trong thẻ sinh viên người ta ra mà cũng không biết người ta học ở đâu. Chị thiệt là vô tình. Đà Lạt lắm gì có trường luật. Mà... để thưởng là làm sao ? Chị nói để thưởng thì thật khó đoán.

Liên đưa tay hất tóc, vỗ vỗ về phía sau cười bảo tôi :

-- Uả dzậy hã ! Ai ma biết. Tưởng ảnh học trỏng chớ. Bị hồi đó ảnh nói nhà ảnh ở Đà lạt. Tui quen ảnh trong trại Pendleton. Ảnh ở sát giường tui. Tui ở ngoài hết, tới ảnh, rồi tới hai vợ chồng với mấy đứa con ông Tàu kia kìa. Ảnh hiền lành lắm. Tui nhìn ảnh là tui thưởng liền hà. Ảnh đi sang đây có một mình. À quên để tui đưa thư ảnh cho bồ coi.

Vừa nói Liên vừa đi về phía tủ phấn kiếm lá thư, trong khi tôi cố mường tượng ra những nam sinh viên cùng lớp thủa nào. Người thanh niên có nét hao hao giống một số khuôn mặt quen thuộc nào đó trong lớp. Những khuôn mặt bình thường. Không sôi nổi hay tham vọng. Họ có triển vọng là những người chồng người cha gương mẫu trong gia đình.

Liên mang lại một lá thư xếp làm ba trong một phong bì trắng nhầu. Thư gửi cho Liên đề ngày 15.1. 1976.

*Thăm Liên,*

*Cảm ơn Liên về món quà giáng sinh, về hai cuốn băng nhạc. Tiếc là tôi chưa có một máy cassette để nghe. Tôi quí lắm vì đó là món quà duy nhất mà tôi nhận được trong dịp giáng sinh vừa qua. Nhân đây tôi*

*cũng muốn nhờ Liên một việc. Liên có thể kiếm hộ tôi một căn phòng giá vừa phải cho một người thất nghiệp như tôi. Tôi có ý định dọn khỏi đây sớm chừng nào tốt chừng ấy.*

*Tôi kèm theo đây số điện thoại. Liên có thể gọi tôi vào buổi tối.*

*Cám ơn những tử tế của Liên. Chúc Liên bao giờ cũng vui vẻ.*

*N.T.DẦN.*

Tôi nói :

-- À thì ra hồm nọ chị nhờ tôi đi theo chị lên Việt nam Thực Phẩm mua hộ hai cuộn băng là để gửi cho anh ấy vậy mà tôi cứ tưởng chị mua về để nghe.

Liên đang sửa soạn đánh móng tay, nhưng lại nhoẻn miệng cười :

-- Đâu có. Tui hổng chịu con Khánh Ly. Giọng nó èo ẹo tui hổng ưa. Tui ưa cải lương hã. Còn tân nhạc tui chịu con Giao Linh. Bài này nè. Nàng cất tiếng hát: *"Em chỉ xin anh đừng mỉa mai gì. Dù một lời thôi khi nhắc tên anh. Cho kẻ yêu anh không tủi phận mình. Còn lóe trên môi nụ cười. Cầm bằng như mây trôi..."* Rồi nàng tiếp hơi ca câu vọng cổ: *"Anh Thành ơi cớ sao anh nỡ dành tâm phụ bạc khi trong em còn giọt máu yêu dấu anh để lại... Để cho em đành tầm nuốt lệ ra đi giữa lúc phố chưa lên ư.ư.ư.ư.... đèn..."*

Tôi vui ra với bản vọng cổ của Liên. Nàng có giọng ngầm cải lưởng thật mùi mẫn. Nàng tự nhiên ca

hát những lúc cao hứng. Nàng có chiếc miệng nhỏ xíu. Mỗi lúc ca vọng cổ hay tân nhạc nàng uốn éo đôi môi cong cớn. Trông nàng ngây thơ như những đứa bé lên mười được hát giữa lớp học.

Ca hết bản vọng cổ, Liên tiếp tục đánh móng tay và kể sơ qua cho tôi nghe sự quen biết giữa nàng và Dân.

-- Hồi đó à nghen, ở trong trại, giường tui kề giường ảnh. Bị tui có bạn bè lại chơi hoãi, tui lấy mấy tấm ra trải giường tui trăng lên làm một buồng riêng. Mấy ông bà ở cũng lều củ lầu bầu nói tui ồn ào. Mà thiệt tui có có làm gì ồn đâu. Dzậy đó mà ảnh ở gần tui, ảnh hổng bao giờ phiền trách gì tui hết trọi. Người thiệt tới rộng rãi. Có một bữa cơm trưa, tui dzìa buồng, tui thấy ảnh nằm đắp chăn rên hũ hũ. Tui thấy tội nghiệp, tui lén lấy cơm về cho ảnh ăn. Mấy người giục ảnh đi bác sĩ. Ảnh nói chỉ nóng sơ sơ. Tui đi kiếm thuốc dzìa cho ảnh. Mấy hôm sau hết bịnh, ảnh cám ơn tui, nói tui tử tế với ảnh quá.

Nàng ngừng lại giây lát, đến bên tủ phấn lấy bông gòn ra chấm acohol tẩy những vết loang ở rìa móng tay. Nhìn bóng nàng trong gương, sạch sẽ, tươm tất và bình thản, tôi thấy nao nao trong lòng. Dáng người nhỏ bé trong một bộ bà ba hoa vãng, trông Liên nhỏ bé hiền hòa như một người tình bé bỏng, một người vợ hiền hơn là một người đã từng lăn lộn với nghề buôn hưởng. Liên trở lại. Kế tiếp :

Thì có gì đâu. Tui thấy ảnh nóng, mỗi lần thăm chừng ảnh, tui sờ trán, đưa cam đưa thuốc cho ảnh. Mấy hôm ảnh đau, tui cấm mấy thằng bạn tui lại thăm sợ làm ồn ảnh nằm hổng được. Thấy ảnh hiền từ rộng rãi tui thương. Tui thương ảnh thiệt mà. Chời ơi thiệt đó. Nhìn ảnh tui nhớ tới ông Năm Xích lô ở sát nhà tui

hồi nhỏ. Mỗi lần bị ông già tui đánh, tui chạy sang nhà ông Năm, ổng can ông già tui ra, có khi còn cho tui ăn ké. Ông Năm ổng cũng hiền từ rộng rãi như ảnh dzậy. Nhìn ảnh là tui nhớ ông già Năm.

Ngừng một giây, Nàng tiếp :

-- Cho tới hồm ảnh sắp ra xi-pông-xo, tui buồn quá chời. Tui nằm trong buồng, hổng ăn cơm tối. Khuya ảnh dzìa, ảnh hỏi tui sao bị đau. Hồi đó tui mới thú thiệt là tui thương ảnh. Tui muốn đi theo ảnh.

Nói tới đây Liên dừng lại như xúc động. Tôi cũng thật sự xúc động vì câu chuyện của nàng. Người thiếu nữ đã từng mơ ước một chiếc giường Hồng Kông, mơ một căn phòng có bốn vách kính, mơ những chiếc áo lông thứ đắt tiền, mơ được cặp kè với những người giàu sang, hôm nay nàng ngồi kể chuyện tình một cách chân chất. Thế ra cho dù lăn lộn với bao nhiêu sương gió của cuộc đời, Liên vẫn còn có thể rung động và mơ ước một tình yêu đơn sơ bình an với Dần. Điều gì ở Dần đã khiến nàng rung động để can đảm thú nhận tình yêu của nàng cho Dần nghe ? Phải chăng nàng đã bắt gặp nơi chàng cái hình ảnh hạnh phúc đơn sơ. Một khuôn mặt không sóng gió của đời sống, một mái ấm gia đình mà bao lâu nay nàng mơ ước ?

Chị thấp giọng và khuôn mặt chùng xuống buồn bã một lúc. Mấy phút sau nàng lại vui vẻ cười nói :

-- Dzậy đó mà ảnh đi Arizona, tui tưởng đi là đi luôn chớ. Ai ngờ buổi nay lại định dọn sang đây.

Tôi hỏi Liên :

-- Vậy rồi chị định để anh ấy dọn vào đây luôn chứ?

Liên lắc đầu :

-- Hổng được. Bị ảnh chắc hổng đa lăm dzậy đâu.

Để tui đi kiếm phòng cho ảnh. Bữa nào ảnh sang, tui kêu bồ lại chơi.

Sau Giáng sinh một tháng. Tôi đang nghỉ hè giữa khóa mùa Thu và mùa Xuân, đang nằm nhã vật vã với anh văn chuẩn bị cho kỳ thi vào đại học, Liên gọi điện thoại bảo cho tôi biết Dần đã dọn sang. Nàng mời tôi đến dự tiệc sinh nhật của nàng ở nhà bà Cathy. Tôi nhận lời đi chung với vài người bạn.

Chúng tôi đến nơi khi căn phòng đã đông khách. Khách phần lớn là những người quen biết của bà Cathy. Họ hút thuốc, uống rượu, ăn uống trong một bầu không khí ngột ngạt khói thuốc. Chúng tôi nhập vào như những người khách lạ quây quần nói tiếng Việt với nhau. Chúng tôi ăn thức ăn do Liên nấu. Đêm nay Liên vận một chiếc áo dạ hội màu trắng, hở lưng, tóc uốn quăn, để chảy trên vai. Nàng xinh xắn như một búp bê của bữa tiệc. Nàng nói cười tíu tít, nhanh nhẹn chuyện trò với mọi người. Trông nàng chẳng chạc vã lẳng lơ hơn.

Nàng dẫn Dần lại giới thiệu với chúng tôi. Người thanh niên hoạt bát hơn tôi tưởng. Dần có dáng dấp còn thư sinh, vận một chiếc áo len xanh thẫm và một chiếc quần Jean đơn giản. Quả như lời Liên nói, Dần có một khuôn mặt để nhìn. Lúc chăng nhìn xuống, chăng có vẻ đẹp nho nhã, yếu đuối. Tôi tưởng tượng ra lúc nhìn ngắm Dần ngủ khi bị bịnh. Vẻ yếu đuối của Dần đã làm cho Liên xiêu lòng.

Khi anh bạn cựu quân nhân ngồi cạnh tôi, người nói chuyện và pha trò huyên thuyên đi bàn khác đánh cờ, Dần mới có dịp lại bến tôi bắt chuyện. Dần cởi mở và phóng khoang, nhưng cũng như tất cả chúng tôi, những người tỵ nạn mới đến Mỹ, Dần vẫn còn mang những nét bất ổn nào đó trên khuôn mặt. Dần kể cho

chúng tôi nghe lý do chàng di chuyển vội vàng sang đây, là vì chàng không thể sống chung với người bảo trợ chàng. Một ông kỹ sư Mỹ. Một gã "gay" chính hiệu.

Điểm thích thú mà tôi khám phá ra ở buổi nói chuyện ban đầu là Dần đồng ý với tôi về những điểm đáng yêu ở Liên. Cái duyên dáng thiên phú của nàng, sự ngây thơ trong giọng nói vui vẻ miền Lục Tỉnh của nàng. Liên mang rượu lại cho chúng tôi. Nàng nói huyên thuyên về lối pha rượu nàng mới học được của bà Cathy.

– Rượu này tui pha lấy đó bỏ. Liên vừa nói vừa trao ly rượu về phía tôi. Uống một tý cho dzui đi bỏ. Bộ không thấy đàn ông khi buồn người ta uống rượu cho khuây khỏa đó sao.

Quay sang Dần Liên phát một cử chỉ phàn trần với chúng tôi :

– Tui nói rồi. Ở đây tui lo cho, mà ảnh cứ nhất định ở *hotel* cho đến khi kiếm được phòng. Bị hoàn cảnh nó làm mình cực dzậy cho ai đâu mà muốn. Tui hồi đó ở nhà quê lên tỉnh, ở Tây Ninh lên Sài gòn, tui trông biết một người quen đặng ngủ nhờ nhà họ một hai đêm tui có quen biết ai đâu. Giờ tui thấy ai hổng nhà là tui động lòng. Ở mà nói dzậy chớ, mấy cái ông đàn ông mắc chứng, hổng khi nào muốn tỏ ra ta đây nhờ đến ai giúp. Tui nói thiệt á. Tui gặp người tốt như bà Cathy đây là tui quí lắm. Kiếm được người tử tế bỏ dễ á !

Nói xong nàng nhoẻn miệng cười, bưng khay rượu quay đi. Tôi nhìn sang Dần. Chàng đang mãi ngắm bóng Liên quay đi. Đêm ấy chúng tôi nói chuyện cho đến khi tiệc tan.

Dần kiếm được căn phòng ở ngoài ô San Jose.

Căn phòng nhỏ và ấm cúng nhờ vào những săn sóc của Liên. Liên thường đến đây tự đông lo cho Dần những công việc như quét dọn, nấu ăn, sửa sang căn phòng. Dần và Liên thường đi chơi chung với tôi. Họ là một đôi tình nhân bất thường. Liên bớt đi chơi và giao thiệp với những mối liên hệ cũ. Dần tiếp tục đi học trở lại và buổi tối đi làm một việc phụ ở một xưởng computer.

Một buổi tối mùa hè. Tôi đang xem truyền hình ở phòng khách. Dần bất thình lình ghé lại, rủ tôi đi uống ca-phê. Tôi ngạc nhiên vì bị mời một cách không chuẩn bị, nhưng cũng theo Dần đến quán.

Quán cà-phê ở dưới phố, có bầu khí hơi giống những quán cà-phê ở Việt nam. Ở đây chúng tôi có thể thong thả ngồi trò chuyện với một vài ly cà-phê mà không cảm thấy phiền phức vì không gọi thức ăn. Bởi quán chỉ bán cà-phê cho khách hàng. Cà-phê không lấy gì làm xuất sắc, nhưng không khí trong quán thật dễ chịu. Một vài bức tranh cảnh treo trên tường. Những bộ bàn ghế màu gỗ. Một cái quầy cà-phê và những điệu nhạc êm dịu. Dần gọi cho chúng tôi những ly cà-phê đen. Chàng lấy thuốc lá ra hút trong khi tôi nhấp để:

-- Hôm nay có chuyện gì lạ mà trông anh có vẻ khác thường vậy ?

Dần bật lửa, châm mồi thuốc. Chàng bật nắp chiếc Zippo màu thiếc trắng. Ngọn lửa bùng lên. Dần loay hoay trong một dáng điệu tập trung cả mắt, mũi, miệng và hai tay vào điếu thuốc với ngọn lửa. Ánh sáng của ngọn lửa làm khuôn mặt chàng sáng hẳn lên. Tôi ngắm nhìn chàng và ước gì tôi có một máy hình trong lúc này để có thể thu lại hình ảnh này. Hít hơi thuốc đầu tiên xong Dần nói :

-- Liên đi rồi.

Tôi giật mình hỏi :

-- Đi đâu vậy ?

-- Đi theo chồng. Dần đáp.

Tôi trợn mắt ngạc nhiên :

-- Chồng nào ? Sao Thu không hay biết gì hết.

Dần mỉm cười. Nghiêng mặt hỏi tôi :

-- Giả thử nếu Thu biết đi nữa. Thu sẽ làm gì ?

Ngừng một giây. Dần tiếp :

-- Liên sống thoải mái. Nàng sống theo con người thực của nàng. Hành động theo những lý luận và ước muốn đơn giản của nàng.

Tôi vẫn ngạc nhiên. Tại sao hôm nay anh chàng này triết lý lung tung. Mà tôi thì chưa biết Liên đi lấy chồng hồi nào ? Chồng nàng là ai ? Nên tôi cắt lời Dần :

-- Nhưng lấy ai ? Hồi nào ? Ít ra anh cũng cho Thu biết trước khi anh lý sự như vậy.

-- Lấy chồng từ lúc còn ở Việt nam. Dần đáp. Chồng Liên là một nhân viên trong ủy ban Liên Hợp Quân Sự bốn bên. Họ đã chung sống một năm trước khi ông ấy về Mỹ. Khi Sài gòn mất. Ông ấy kẹt lại bên này. Ông ấy lũng kiếm nàng hơn một năm nay. Bây giờ mới gặp. Hôm có quan Hồng thập tự gọi lại. Liên kể chuyện ra cho tôi nghe.

Dần dừng lại, dụi tàn thuốc. Tôi ngẩn ngơ. Cơn lốc của một cuộc chạy nạn từ bên nửa mặt đất này sang nửa mặt đất khác phơi bày nhiều tuồng tích đột ngột mà tôi phải chứng kiến.

-- Thế rồi bà ấy bỏ đi hả. Tôi nói một cách lạc lõng. Cái bà ấy thiệt vô tình.

Dần mơ màng. Có lẽ hắn ta đang nhớ Liên thật. Tôi cũng thấy nhớ cái khuôn mặt tươi cười của Liên. Cái giọng riu rít như chim của nàng. Nếu có nàng ở

đây có lẽ giờ này chúng tôi đã không lãm vào những phút trống vắng như vầy. Dần nói tiếp :

-- Liên bảo ông già ấy đã lớn tuổi. Đa khoảng năm mười. Ông ấy thương và chiều chuộng nàng lắm. Tôi cũng mong Liên có hạnh phúc. Một người như Liên phải có hạnh phúc. Nàng không biết khổ đau sầu mộng. Nàng được cái đặc ân ấy.

Chúng tôi lại rơi vào yên lặng một lúc. Tôi ngắm nhìn khung cảnh quanh mình. Tiếng cười nói. Điệu nhạc Zazz lâm râm. Những di động chung quanh. Tất cả lãm cho những ý tưởng về Liên tản mác trong tôi.

Một lát sau Dần tiếp :

-- Liên đi cũng khoảng một tuần lễ nay. Nàng bảo có gọi lại cho cô đôi ba lần nhưng trúng vào tuần lễ cô về chơi Monterey nên không gặp được.

Chàng quay vòng ly cà-phê đã cạn đưa bảo tôi :

-- Sao Thu không sống hồn nhiên như Liên. Tôi không muốn nói về lối sống bất định của nàng.

Tôi nhìn Dần, lơ mơ trả lời :

-- Ông bạn ơi ! Trăm hoa đua nở chứ ! Mỗi hoa lại một vẻ. Để trở nên trọn vẹn cái nhân dáng của mình cũng đã là một điều khó khăn rồi. Vả lại, chạy một trận giặc, mất hết cả tình nhân, gia đình, bạn bè, quê hương, anh bảo Thu lãm sao hồn nhiên mãi được.

***

Bẵng đi một thời gian hơn một năm. Câu chuyện về Liên cũng như nguôi dần. Tôi chẳng biết tin gì về Liên từ dạo theo chồng. Dần sau đó được một học bổng về ngành dầu lửa ở Houston. Chúng tôi thỉnh thoảng trao đổi thư từ qua loa. Thì bỗng một hôm, Liên bất ngờ đến kiếm tôi ở ngôi nhà trọ mới. Nàng mang tặng tôi hai con

hổ con bằng sứ xanh, loại để làm đế bình hoa. Chúng tôi gặp nhau chào hỏi vồn vã. Tôi nói :

-- Gió nào thổi chị về lại đây ? Sao hôm nay trông chị điệu thế.

Tôi ngắm nhìn bộ quần áo chim cò trên người nàng. Sống xa chúng tôi một thời gian, Nàng trở lại thói quen cũ, ăn mặc như những thiếu nữ ngày trước ngồi lắt lẻo với những chú GI Mỹ ở những quán bar, mặc cho thời trang của thế giới đã đến đâu.

Liên quay một vòng. Nhún nhẩy ra dáng như một cô kiểu mẫu đang biểu diễn trước mặt tôi.

-- Tui mới may đó, Liên nói. Tui vẽ kiểu rồi đưa cho thợ may. Bị tui nhỏ con, mua đồ ngoại hổng được, hổng có cỡ nào vừa cả. Đi mua đồ cứ bị mấy người bán hàng chỉ lại hàng con nít hông hà.

Tôi đến tủ lạnh rót nước mời nàng :

-- Chồng con chị khỏe mạnh luôn chứ ? Lấy chồng hơn năm nay, bây giờ mới nhớ tới nhỏ này.

Liên xịu mặt, nhìn đi chỗ khác trả lời :

-- Ông già bị bệnh ung thư mất cách đây hai tháng rày. Tui rầu quá chời nên mới dọn lên nhà bà Cathy mấy hôm rày.

Tôi há hốc miệng nói :

-- Trời đất ơi.

Liên cho hai tay vào túi quần. Nàng đến bên cửa sổ nhìn ra bầu trời bên kia dãy nhà trọ. Bầu trời xám, buồn bã.

LÊ THỊ HUỆ
San Jose 1/79

# tu hú trên rừng sim

Viết để nhớ lại khu rừng sim tuổi thơ, và thân tặng người em gái học trò vùng kinh tế mới.

Tu hú về đây, đồi sim trái chín
Mưa đầu mùa đánh thức cỏ cây khô
Bên rừng, hoàng hôn, chim kêu lạc bạn
Gió rít ngoài đồng, tiếng dế tỉ tê.

Em mót củi, nhặt cây khô, đun bếp
Nước suối gánh về nấu cháo thay cơm
Nhà phố thị, bỏ lên rừng làm rẫy
Mưa đột mái chòi, thân sậy rét run.

Em nhớ phố, nhớ con đường phượng vĩ
Vạt áo học trò, làn gió biển Đông
Đời đổi thay, áo trở thành của lạ
Cất lăm kho tàng, mặc thấy tủi thân.

Em lao động, cố làm gương cao cả
Tay ôm, vai gầy, vỡ đất trồng cây
Cảm ơn ai, cho em bài học lớn
'Con thú là người, chỉ thiếu hai tay'...

Loài thú biết mơ, biết buồn dĩ vãng
Biết yêu đương, tha thiết, nhớ âm thầm
Trong đám thú rừng có con phản động
Muốn trở về kiếp trước thực thong dong.

Thuở lên đồi, hái cành hoa sim tím
Ép vở học trò, giữ tháng ngày vui
Đời đổi đời hoa xưa thành trái chín
Mật ngọt ngon, sao em đắng miệng cười

*Tu hú về đây khi mùa sim tím*
*Xứa ta về đây hoa nở tím trời*
*Anh hình dung trong mái chòi che nắng*
*Em một mình như tu hú lạc đời*

*Mơ được cũng bay giữa rừng bát ngát*
*Mai trở về thăm phố nhớ buồn hiu*
*Ngày anh đi biển cãm hờn sóng vỗ*
*Mấy năm xa biển vẫn nhớ ngậm ngùi*

*Đêm ngủ trong chòi mơ ngày gió lớn*
*Giòng cuồng lưu bật rễ gốc sim già*
*Dây trùng dương sóng bủa ghềnh đá dựng*
*Lũ thú rừng đổi kiếp hóa người ta*

*Ngày đó bỏ rừng em về với phố*
*Vạt áo ngày xưa, bay trắng sân trường*
*Mùa sim năm sau ghé thăm tu hú*
*Có con nào mất bạn khóc rừng rừng...*

NGUYÊN LƯỠNG
(Pennsylvania)

---

HÀ HUYỀN CHI TÊN NỘI ĐỆ MỚI

Một công trình ấn loát mỹ thuật vừa được hoàn thành.

Ba mươi bài thơ xót xa nhức nhối trong phần đời di tản.

Tám mươi hai trang sách chăm sóc chí tình. Hà Huyền Chi chỉ in có 500 cuốn và chủ trương đánh lấy huề để có vốn in cuốn khác. Thư từ, ngân phiếu xin đề LÊ THỊ THANH 7613 SE LACEY, WA 98503. Giá BỐN MƯỜI ĐỒNG CHẴN.

# ngày ta thành mây

*Hôm em chép thư tình lên lá bối*
*Ngàn năm sau lá bối vẫn còn xanh*
*Ta tụng câu kinh mãi chửa quên chữ*
*Em đọc lời tình đã ấm vành môi*
*Hôm bỏ đi em gieo tình trong gió*
*Rớt xuống am mây kinh kệ bỏ quên*
*Để nhớ em ta lên lầu nhật nguyệt*
*Gióng hồi chuông rồi nhìn xuống mái tây*
*Chợt thấy em nhìn ta rồi thành nguyệt*
*Tan hồi chuông ta cũng biến thành mây.*

NGUYỄN QUI NHƠN

**Chúng tôi thành thực chia buồn cùng anh chị NGUYỄN VĂN MINH và các cháu, qua tin**

*Cụ Bà NGUYỄN NGỌC CHÂU*
*Nhũ danh HỒ THỊ TY*

**từ trần tại Việt Nam ngày 5.4.79, hưởng thọ 63 tuổi. Nguyện cầu hương hồn Cụ tiêu diêu miền cực lạc.**

ÔB. NGUYỄN VĂN HIỀN
ÔB. ĐỖ CÔNG THÀNH
ÔB. HOÀNG NGỌC TRAI
ÔB. LÊ TỤNG
ÔB. TRẦN TRỌNG NGÀ
ÔB. NGUYỄN VĂN HẢI
ÔB. VƯU VIỆT
ÔB. ĐÀO TÙNG
ÔB. TRẦN NGỌC VÂN
ÔB. TÔN THẤT BÁ
ÔB. LIÊU QUANG
ÔB. HỒ VĂN THÔNG
ÔB. TRẦN ĐÌNH LONG

# ẢO MƠ

Những ngày đầu mùa hạ ở đây đã đi qua trong êm ả. Và quả thật, tôi cũng đang cần một khoảng thời gian yên lặng như thế mới phải. Những buổi sáng tôi mở bừng mắt tỉnh giấc mà không phải nhờ đến chiếc đồng hồ báo thức vì ánh nắng mặt trời đã tràn vào phòng quá sớm, nhưng buổi chiều từ sở làm về nhà, trong căn phòng hẹp, tôi đã sống với những giờ phút cuối cùng của một ngày dài bằng cách cặm cụi sửa soạn cho bữa ăn tối. Và đêm xuống là lúc tâm hồn người có quyền đi theo những ý nghĩ viển vông không đầu vào đâu. Tôi với tay mở ngọn đèn bàn viết, trời bên ngoài đã xẩm tối, cái nóng bức của ban ngày bây giờ bắt đầu nguôi ngoai. Những cảm xúc trong khoảng không gian chung quanh vẫn thản nhiên, lắng đọng làm người ta không khỏi ngẩn ngơ, chợt nhớ đến một thời nào khi những nhịp điệu của tâm hồn người hãy còn hòa hợp với cái êm ả của một buổi chiều mùa thu, cái cuồng nhiệt của một ngày hoạt động mùa hè...

Tôi nhìn lên tấm lịch treo trên tường, hôm nay là ngày đầu tháng bảy. Phải đấy, một ngày đầu tháng bảy,

người chung quanh đây đó vẫn nhắc nhở đến những kỳ nghỉ kéo dài cả tuần lễ, đến những trận thể thao nhan nhản trên báo chí, trên máy phát thanh. Còn tôi, sẽ không có những ngày đi chơi xa, sẽ không theo dõi tin tức những trận cầu, nhưng cũng có một chút đổi thay trong cái phẳng lặng của đời sống, vì tôi đã tạm từ giã cuộc sống đi học công thức để đi theo một lối sống khác, công thức nhiều hơn, đều đặn hơn, là cuộc sống đi làm. Và điều đó có nghĩa tôi phải tạm thu hẹp mọi liên lạc với bạn bè, người quen. Chỉ mới một, hai tháng trời nay thôi ư ? Khoảng thời gian vừa qua, nghĩ lại thấy dài đằng đẵng làm sao ấy. Tiếng chuông điện thoại năm mười bữa lại giống lên một lần, trong căn phòng tối, đó là một lối nhắc nhở là tôi vẫn chưa hẳn biệt lập với đời sống đi học, là biết đâu đấy trong số người quen, cũng còn có người để ý đến tôi. Một người bạn không thân thiết gọi đến xin một số điện thoại, một giọng nói người lạ xin lỗi vì gọi lộn số, đó không phải là những gì tôi đang mong chờ, và đặt điện thoại xuống, tôi cảm thấy một nỗi thất vọng. Khoảng đêm tối trước mặt lại trở nên rộng lớn hơn. Nhưng rồi, nghĩ cho cùng, tôi còn có thể mong đợi được gì thêm ? Đến một người quen đã lâu năm gọi lại để nói chuyện, tâm sự hỏi han ? Đến Hạnh gọi đến làm lành, có thể nàng sẽ mời tôi ghé qua nhà hay đề nghị một cuộc đi chơi ?

Thật là khôi hài khi tôi nói đến chữ làm lành. Vì giữa hai người chúng tôi không hề có chuyện xích mích cãi vả với nhau. Nói cho đúng hơn, tôi đang giận lẩy vì nàng dường như không hề chú ý hay đếm xỉa gì đến tôi. Và chỉ một tiếng chuông điện thoại ngắn ngủi trong giờ phút này là đủ để tôi xóa tan đi mối hiềm nghi về sự lãnh đạm Hạnh có thể có xưa nay với tôi, nguyên nhân với hậu quả cũng chỉ là một, tôi sẽ thoải mái dường nào. Có những lúc, khi nghĩ đến Hạnh, tôi thấy mình yếu đuối như một đứa trẻ, tâm hồn tôi đang cần được vỗ về, và tôi mong ở Hạnh cái bao dung rộng lượng của một người lớn để Hạnh đi đến làm lành. Bởi Hạnh không có quyền làm ngơ hay bỏ qua những gì tôi đã đối đãi, đã dành cho nàng. Hạnh phải đủ thông minh để chú ý được cái săn sóc, lưu tâm trong mỗi cử chỉ, lời nói của tôi có từ lúc hai người mới quen. Hạnh phải có đủ linh tính để cảm nhận được những

giây phút, có thể trong lúc tôi đang ngồi học, khi đi chơi hay trong cơn mê ngủ về đêm, những giờ giấc tôi đã bỏ ra để nghĩ đến nàng.

Vậy mà, cặp mắt Hạnh đã mở to, nhìn tôi trong sự ngạc nhiên khi nghe tôi thổ lộ cho nàng nghe, cách đây hơn một tháng. Có lẽ, sự ngạc nhiên của chính tôi lúc đó còn to lớn gấp vạn lần cái ngạc nhiên của Hạnh. Phải Hạnh hoàn toàn không hề hay biết, không hề chú ý đến tình cảm của tôi ? Sự lãnh đạm, dửng dưng còn làm người ta đau đớn còn hơn sự ghét bỏ. Hay lúc đó, thật ra Hạnh đang lừa dối tôi, lừa dối với tình cảm của chính nàng, vì Hạnh đã biết cả rồi, có lẽ nàng chỉ muốn chay đuổi với những tình cảm chân thật của tôi ? Có gì khác nhau, tôi có thể đưa ra trăm ngàn lý lẽ để giải thích thì chung quy rồi cũng chỉ là một: Hạnh chưa thể, hay không thể đáp ứng được mối tình nồng nhiệt của tôi.

***

Có thể, dưới mắt Hạnh, tôi chỉ là một tâm hồn yếu đuối, không hơn không kém. Tôi gặp Hạnh hơn một năm về trước. Vì một lý do nào đó, hay vì một sự lầm lỡ nào đó, cuộc đời đã đưa đẩy tôi đến vùng đất xa lạ này, đến khu đại học nằm lẻ loi ở một vùng ngoại ô thành phố, đến những khuôn mặt không mấy quen thân. Những buổi sáng đi đến trường, đi vào cửa lớp mà lòng hãy còn ngờ ngợ, có lẽ vì chưa quen thuộc với sinh hoạt xứ lạ, với cái dị dạng của thời tiết - đã một, hai năm đi qua, cũng chưa hòa hợp được đời sống mới ? --, những buổi chiều, buổi tối, tôi đã từng cố làm quen với không gian, thời gian chung quanh, cũng như ngày hôm nay; trong một hoàn cảnh như thế, hình bóng Hạnh đã đến với tôi. Tôi đã kể cho Hạnh nghe những tháng ngày cũ ở Sài gòn, tôi sống khác bây giờ như thế nào. Có khi Hạnh yên lặng chú ý nghe, có khi Hạnh hỏi tôi, sao Phúc hay buồn thế, phải lạc quan lên đi chứ. Chắc Hạnh tin ngày mai sẽ thay đổi, chúng ta sẽ bớt buồn hơn đúng không Hạnh. Chính vì những ý nghĩ lạc quan em đang có trong đầu mà tôi đã

tìm đến em, cũng như một người đi trong đêm lạnh cần một chút lửa vậy mà. Và tôi đã không ngần ngại kể lại cho Hạnh nghe những thiếu thốn, những yếu đuối của tâm hồn tôi.

Nhưng chúng ta đâu phải chỉ chia xẻ với nhau những buổi chiều dài, vắng lặng ở thư viện hay hành lang lớp học. Chúng ta cũng có tham dự những cuộc sinh hoạt thật là vui, chung với những đám bạn bè khác. Tôi đã thản nhiên trước những câu chọc ghẹo, dỗn cợt của bạn bè, và lấy làm vui với những giấc mộng con con tôi xây đắp mỗi ngày. Thuở ấy là lúc tôi đang đi tìm quên những giông bão của đời sống cũ, và em đã giúp tôi tập tễnh những bước đi đầu tiên của cuộc đời mới. Đó là lúc chúng ta đang chênh vênh giữa mộng với thực, cũng như tôi đã lầm lẫn khi xem tình yêu và niềm hy vọng chỉ là một.

Những ngày diễm ảo đó đi qua thật mau. Những lần đi chơi trên phố, hay trong những lúc đi bộ đến trường, trên đường về nhà, Hạnh đã chỉ cho tôi xem những gì có thật, đang xảy ra trong đời sống mà từ trước đến giờ tôi chưa hề biết chú ý. Hạnh nói đến những kiểu quần áo người ta đang bày bán cho mỗi mùa cùng với những chuyển hướng về thời trang trong những năm qua, đến những hiệu xe mới xuất hiện lần đầu tiên trên đường phố. Hạnh kể cho tôi hay những người bạn mới quen, họ đã nói cho Hạnh nghe những câu chuyện vui nhộn, Hạnh cười thật tươi mát trong lúc tôi ngẩn ngơ nghĩ đến tinh thần khôi hài hồi xa lạ mà tôi chưa có đủ thì giờ để làm quen. Tôi đã lắng tai nghe với một vẻ tò mò, có lẽ đó là những lúc ngắn ngủi tôi đã đóng vai một người già trước tuổi, chỉ biết âm ừ nghe từng mẩu chuyện vụn vặt con con.

Và có nhiều khi, sau một vài câu nói, Hạnh dừng lại để hỏi tôi ít điều, chỉ để được tôi trả lời bằng một câu hỏi ngược lại, bằng một cái gật đầu hay bằng sự yên lặng. Chắc chắn, hơn một lần, Hạnh không được mấy vui vì thái độ ngập ngừng có vẻ như không chú ý của tôi. Nhưng tôi biết phải làm thế nào để giải thích, và Hạnh cũng đâu hề hay biết là trong đêm đó, hay qua ngày hôm sau, những cuộc đối thoại ngắn ngủi như thế đã làm tôi không khỏi

bận tâm. Bận tâm đến cái diễn biến quá nhanh, cái thay đổi chớp nhoáng trong cuộc sống của tôi, của em, đến lời đáp ứng dị biệt giữa hai người chúng ta hay giữa tôi và bạn bè. Cái khắc nghiệt của hoàn cảnh không phải chỉ nằm trong những dồi dời của thế giới bên ngoài, cái chúng ta thường gọi chung là hoàn cảnh, mà còn nằm trong những ảnh hưởng của nó; và đó là những chuyển mình, phản ứng của tâm hồn mọi người đối với cuộc đời mới. Ta đã thay đổi nhiều đến như thế, chỉ ít ỏi như thế hay sao, ta nghĩ lại điều đó và có ít hay nhiều cũng phải tủi thân đau xót. Tôi đã từng cảm thấy bị dày vò như thế cũng như, một buổi tối Giáng Sinh năm nào, đi bộ về nhà tôi đã thấy ước ao một mái nhà ấm cúng, cũng như một hôm nhận được thư nhà tôi thấy mình nghẹn ngào vì chỉ đành thúc thủ...

Và sau những đêm dài thao thức, sau những ngày giờ bỏ lớp chỉ để nghĩ quẩn hết chuyện này đến chuyện nọ, chính những dày vò muôn thuở đó đã thúc đẩy tôi từ bỏ cuộc đời đi học để đi kiếm một việc làm. Hay tôi đã bỏ học cùng một lúc với cái chết vội của tình yêu, cái dập tắt của niềm hy vọng ? Tình yêu dại khờ của tôi đã vỡ nát qua một câu trả lời của Hạnh: "Hạnh không muốn Phúc nói đến chuyện đó nữa". Chỉ giản dị đến như thế thôi sao ? Có phải tôi đã khóc thầm vì tiếc cho lâu đài xây trên cát đẹp đẽ như thế bỗng dưng sụp đổ, hay cảm thấy tủi thân vì xưa nay đã bỏ ra bao nhiêu công trình tạo dựng bồi đắp ? Hạnh đã đáp lại sự mời mọc của tôi bằng một cử chỉ lạnh lùng của một đợt sóng biển, vỗ mạnh vào bờ làm chấn động trước khi quay đi, để lại những tòa nhà bằng cát đổ ngã tan tành, để rồi sẽ trở về với cái yên lặng bình thường vừa đe dọa vừa khó hiểu.

Đúng thế, tâm hồn Hạnh cũng u uẩn như lòng đại dương. Tha hồ cho tôi cứ bắt chước xây nhà trên cát, hay cứ tình làm thủy thủ lênh đênh tháng ngày trên mặt biển, rồi muôn đời tôi vẫn không thể nào hiểu được lòng Hạnh.

*
* *

Hay, chính ra, vì một lý do nào khác, Hạnh không thể nào đáp đền tấm lòng chân thật của tôi ? Như tôi đã từng cố gắng tưởng tượng, có lẽ tôi đã đến với Hạnh quá muộn. Và nếu tin được như thế là lòng tôi đã được an ủi biết mấy. Chỉ tiếc mỗi một điều, nếu tôi đoán đúng ở chỗ Hạnh đã để ý đến một người khác thì lòng tự ái của tôi lại càng tổn thương nhiều hơn, vì hắn mới là kẻ đến sau. Cách đây mấy tháng Hạnh có kể cho tôi nghe một người bạn nàng mới gặp. Tôi đã chú ý đến những gì Hạnh kể, cũng như đã từng chú ý đến những điều Hạnh thường nhắc đến mỗi ngày. Hạnh nói cho tôi biết đến những cử chỉ hay lời nói chuyện thật buồn cười của anh chàng, đến một hôm nàng tình cờ gặp hắn đi qua trường, lái chiếc xe đua, và hắn đã đưa giúp nàng về nhà. Tôi gặp hắn loáng thoáng đâu đó một vài lần, có khi hắn đi một mình, có khi cùng với một người bạn trai hay bạn gái. Dường như lần cuối cùng là vào hai tháng về trước, ở một bữa tiệc sinh nhật một người bạn. "Chào bồ", hắn vội vã đưa tay ra bắt. Bao giờ gặp mặt hắn cũng tỏ vẻ vồn vã đối với tôi. Và thật tình mà nhận xét thì thái độ ân cần như thế cũng không có gì quái gở hay để tôi phải lưu tâm. Những cuộc chung vui họp mặt như thế này là những dịp dịp để tôi được nghịch ngợm với những nhận xét về mọi cử chỉ nho nhỏ của người chung quanh, để sau đó nghĩ lại mà cười thầm một mình. Và trong số những hình ảnh góp nhặt vụn vặt đó hắn chỉ là một.

Tôi tưởng đã có thể quên khuấy đi hắn nếu ngay hôm sau Hạnh không có dịp nhắc đến tên, lúc chúng tôi gặp nhau ở cửa lớp. Đó là lúc tôi bắt đầu thấy khó chịu với hắn, với nàng, và cùng một lúc với một hai câu nói vì bực bội không hiểu từ đâu, đó là lần đầu tiên tôi thấy được những rạn nứt trong sự quen biết giữa tôi với Hạnh. Vâng, Hạnh đã phản kháng với cái khó chịu của tôi bằng thái độ yên lặng, dần dần đi đến lãnh đạm của nàng. Và có gì đâu để tôi phải kêu ca, vì tôi đã biết quá rõ là giữa tôi và Hạnh cũng chưa hề có một lời hứa hẹn cho một tương quan mật thiết nào cả; hay tệ hơn nữa, nếu có, thì môi trường chúng tôi đang sống ở đây cũng không bảo đảm một tí nào cho mối liên hệ tình cảm giữa đôi bên.

Chung quanh tôi, biết bao nhiêu cặp bạn bè khác đã từng gần nhau, xa nhau, chuyện xảy ra mỗi ngày và khi gặp lại họ vẫn không mấy bận tâm mảy may. Có lẽ tôi đã phải học từ lâu thái độ biết thờ ơ, phớt tỉnh như thế. Vì hôm nào, Hạnh đã từng nói "như thế mới là con trai". Những người bạn gái tôi quen đôi lần cũng đưa ra một vài nhận xét tương tự. Thì ra là vậy, người ta không thể đưa một tấm lòng thành thật hay một tình yêu nồng nàn để biện minh cho những cử chỉ mềm mỏng vỗ về.

Nỗi dày vò trong lòng tôi đã âm ỉ theo mỗi tháng, mỗi ngày, mãi đến một hôm, trong lúc tình cờ nói chuyện, một vài người tôi quen lại nhắc đến hắn, cùng một lúc với tên Hạnh, Những người bạn hồn nhiên đến độ vô tâm kể lại một câu chuyện vui vẻ sự liên lạc giữa hai người. Những người bạn trước kia đã từng pha trò, chế diễu sự đi lại của chúng tôi bây giờ lại nhắc đến tên Hạnh cũng với một người khác, nói ra một cách thật vô tình, chừng như họ tin là tôi đã rõ tất cả, đã sẵn sàng chấp nhận mọi chuyện; hay như tôi và Hạnh không còn liên lạc gì với nhau và những gì xảy ra sau đó chỉ là điều đương nhiên. Cái vô tình của một người ngoài cuộc cũng làm ta đau đớn nhiều hơn, vì cho dầu hoàn toàn không hiểu rõ hay có sáng suốt hơn người trong cuộc thì tính chất vô tư của lối kể chuyện, tinh thần khách quan vô thiên vị của người kể cũng làm ta khi nghe qua phải bàng hoàng rúng động. Tôi đã lặng người đi giây lát để sau đó phải tự hỏi, hay chính ra tôi nên cám ơn họ mới đúng vì đã giúp tôi mở mắt nhìn thấy. Cơn sốt tình cảm vừa qua là một cơn mê muội trong cuộc đời vô vị, nhàm chán tôi đã sống, và còn chần chờ gì thêm nữa, tôi phải mau mau tỉnh thức trước khi quá muộn. Dầu những người chung quanh đây có diễn dịch cách sai lạc hay tôi có đoán lầm thì đây là một dịp để tôi thoát thai ra khỏi giấc mộng du, cơn điên loạn mà tôi đã lầm tưởng là tình yêu, lầm tưởng một cách lố bịch.

Và như thế mà tôi tự an ủi là buổi tối hôm nay, có lẽ tôi đang sống trong những thoi thóp sau cùng của cơn mộng ảo. Tôi theo dõi những đợt nắng chiều còn sót lại trong ngày từ từ rút lui ra khỏi phòng, không gian dần dà trở nên mờ đục một cách bệnh hoạn, những tranh tối

tranh sáng di chuyển chậm chạp chung quanh phòng, và bây giờ trước mắt tôi chỉ còn một nguồn ánh sáng thu hẹp của ngọn đèn viết chòi với giữa bầu không khí đen ngòm của đêm tối. Đêm đã xuống. Cuối cùng, cơn nóng hầm hập của ban ngày cũng nguôi dần đi, cảm ơn lắm lắm, tôi chỉ cần chừng nấy để có thể vỗ về tâm hồn đưa vào giấc ngủ. Dầu rằng, tôi tin chắc một điều là ngày mai, khi tỉnh giấc, tôi sẽ thấy ngần ngơ như những ngày hôm trước đã từng ngơ ngẩn, là còn mơ rồi cùng sẽ nằm vạ ra đó, mãi mãi chưa chịu bước đi...

ĐẶNG KHOA

Sunnyvale 07/78

**********

# tà áo
# việt nam

*Trên đường phố lạ áo bay*
*Cánh chim vong quốc dáng say tủi hờn*
*Đường cong đậm nét giang sơn*
*Gió tung vạt áo chập chờn xuân xưa.*

HUY LỰC

# CHỮ NÔM

*Sống xa quê hưởng, chúng ta lúc nào cũng hướng về quê hưởng theo dõi từng bước đi của dân tộc: mỗi một thành tích về văn hóa, về kinh tế v.v... đều qui giá. Trên tinh thần ấy, VHNT lần lượt chọn giới thiệu những công trình trước tác có giá trị ở trong nước.*

*Dĩ nhiên, chúng ta chỉ quan tâm đến thành tích cố gắng của dân tộc chứ không tự để mình trở thành nạn nhân của sự tuyên truyền nhồi sọ, vì vậy trong việc chọn lựa, chúng tôi sẽ gạt bỏ tất cả những gì có dụng ý tuyên truyền.*

*Lần này, VHNT xin trình bày một công cuộc nghiên cứu về chữ nôm của ông Đào duy Anh Nhân tiện tưởng cũng nên nêu ra một nhận xét là từ đầu đến cuối tác phẩm nhà học giả khiêm tốn chỉ nói đến công ơn giúp đỡ của người bạn là ông Cao xuân Huy và sự góp ý của một vài người chuyên môn về ngôn ngữ học ( như Nguyễn tài Cẩn, Cao xuân Hạo) mà không hề đề cập tới sự lãnh đạo "sáng suốt" của Đảng , không một lời đả động tới cuộc chiến đấu chống Mỹ , Ngụy v.v... như trong bao nhiêu sách khác xuất bản tại Hà nội.*

*Thiết tưởng điều ấy cũng nói lên một khía cạnh thú vị về phong cách tác giả.*

*V. H. N. T.*

*CHỮ NÔM : NGUỒN GỐC CẤU TẠO, DIỄN BIẾN*
*Của ĐÀO DUY ANH*
*Nhà xuất bản Khoa học xã hội*
*In tại Hà nội Việt nam, tháng 11 năm 1975*
*224 trang - giá 0$90*

Dân tộc ta đã dùng chữ nôm trong gần mười thế kỷ, một phần quan trọng của văn hóa dân tộc hãy còn chứa đựng trong

các tác phẩm bằng chữ nôm: Hiện thời, chỉ riêng thư viện khoa học xã hội ở Hà nội cũng còn giữ đến 1186 cuốn sách chữ nôm. Ấy thế mà đến nay gần như chưa có một công trình nghiên cứu nào về chữ nôm kỹ càng tử tế, do người Việt nam biên soạn.

Tác phẩm của ông Đào duy Anh là cuốn sách đầu tiên nhằm mục đích này.

## DẤU VẾT XƯA NHẤT

Từ trước đến nay, hễ nói đến chứng tích xưa nhất về chữ nôm, ai nấy chỉ biết đến tấm bia Hộ thành Sơn ở Ninh Bình. Di tích ấy thực ra được H. Maspero phát giác cách đây gần sáu chục năm, và hiện thời đã mất tích.

Năm 1958, ngư dân vùng Đồ sơn vớt được ở đáy biển lên một cái chuông đồng của chùa Văn Bản ở Đồ sơn. Trên thành chuông có khắc những hàng chữ ghi chép các sự việc liên quan đến việc dựng chùa đúc chuông. Trong số ấy có hàng chữ nói đến những người đã cúng ruộng đất cho chùa, đại ý là : " Thị vệ Nhân dũng thủ Nguyễn Văn cùng vợ là Chu thị hai người cúng một sở địa trạch *Ông Hà* "... Hai chữ "ông Hà " là hai chữ nôm xưa nhất được biết đến nay. Bởi vì chuông chùa Văn Bản có người cho rằng được đúc vào năm 1076 đời Lý nhân Tôn. Sự ước định ấy dẫu không chính xác , có lẽ cũng không sai nhiều.

Sau chuông đồng chùa Văn Bản, tới tấm bia chùa Tháp miếu, huyện Yên lãng tỉnh Vĩnh Phú, năm 1210 đời Lý cao Tôn. Trên tấm bia này có đến hai chục chữ nôm.

Nói về sách thì ấn phẩm xưa nhất bằng chữ nôm còn giữ được tới ngày nay là tập *Thiền tông bản hạnh* , trong ấy có bốn bài phú từ đời Trần như sau:

*1- Bài phú "Cư trần lạc đạo " của Trần nhân Tông.*

*2 – Bài ca "Đắc thú lâm tuyền thành đạo " của Trần nhân tông.*

*3 – Bài phú "Vịnh Hoa yên tự " của Trúc lâm đệ tam tổ Huyền Quang.*

*4 – Bài phú dạy con của Mạc đĩnh Chi.*

(Trong các bài kể trên, bài phú dạy con có thể ngờ rằng không phải do Mạc đĩnh Chi làm ra, nhưng cũng là tác phẩm

đời Trần.)

NGUỒN GỐC

Trước đây có nhiều giả thuyết về nguồn gốc chữ nôm: có người bảo là Sĩ Nhiếp ( thế kỷ thứ II ) đã đặt ra chữ nôm, có kẻ lại cho chữ nôm có từ thế kỷ thứ VIII ( vì trong anh hiệu Bố cái Đại vương có hai chữ Bố Cái là tiếng Việt ),lại có người bảo chữ nôm xuất hiện vào đời Trần, khi Nguyễn Thuyên dùng chữ nôm làm thơ phú.

Thực ra có nhiều lý lẽ để nghi rằng đối với thời điểm xuất hiện chữ nôm thì thế kỷ thứ II là quá sớm, mà đời Trần là quá muộn. Khoảng thời gian thích hợp hơn cả có lẽ là dưới các triều Đinh Lê và đầu triều Lý.

Tại sao có thể ức đoán như vậy ?

Trước hết là vì nghiên cứu cách viết và cách đọc chữ nôm, chúng ta thấy chữ ấy được đặt ra trên cơ sở chữ Hán đọc theo âm Hán Việt. Mà âm Hán Việt thì chỉ được ổn định sau khi họ Khúc dấy nghiệp ( tức năm 905).

Hơn nữa không phải có âm hán việt là vội vàng đặt ngay ra chữ nôm: chữ nôm chỉ xuất hiện khi nào nhu cầu của xã hội đã đạt tới cái mức khiến người ta phải đặt ra chữ ấy để dùng. Dưới thời Bắc thuộc thì các giấy tờ toàn xài chữ Hán, do đó không có nhu cầu chữ nôm. Sau khi nước nhà tự chủ , trải qua các thời Ngô, Đinh, Lê, cho đến đầu nhà Lý mọi hoạt động trong xã hội phát triển mạnh theo chiều hướng độc lập, thoát ly khỏi ảnh hưởng Trung quốc. Chúng ta đã thấy ở đời Lý cao Tôn chữ nôm được dùng để chép tên đất tên người. Có thể rằng trong các lành vực tôn giáo, nghệ thuật,kinh tế,chính trị v.v... người ta đã thấy cần có thứ chữ dễ hiểu hơn là chữ hán. Do đó chữ nôm ra đời.

Trên đây chúng ta có nói đến âm hán việt, đó là thứ âm gì ?

Thực ra, từ khi bị người Tàu đô hộ, chữ Tàu được dạy ở nước ta, lúc bấy giờ tại các trường học thường thường là thày Tàu giảng dạy, và ta phát âm theo họ. Giọng đọc tiếng Tàu vẫn không ngừng biến đổi tùy theo thời đại. Thời Đông Hán, ta đọc theo và phát ám giống Đông Hán; đến thời Lục Triều; đến đời Đường, ta lại đọc chữ Tàu theo giọng Đường.

Sau đó, nước ta tự chủ. Tuy rằng dân ta vẫn còn học và

còn dùng văn tự Trung quốc ( gọi là chữ Hán ) nhưng từ đây thầy Việt dạy trò Việt, chứ không phải học theo thày Tàu nữa. Vì vậy giọng đọc Hán tự ở bên Tàu dầu có theo thời gian mà biến đổi, điều ấy không ảnh hưởng đến cách phát âm của ta nữa. Mặt khác người Việt đọc chữ Hán cũng dần dần sai lệch; nói cách khác, tiếng Hán được Việt nam hóa, thành ra có một giọng riêng biệt gọi là giọng Hán Việt. Giọng ấy na ná gần với giọng nói miền Trường An ( bắc Trung quốc ) đời Đường ( thế kỷ thứ IX ) nhưng lại không hẳn là giọng này.

Vì không còn gắn liền với tiếng nói Trung quốc nữa, cho nên tiếng Hán Việt là một thứ từ ngữ, rất ít thay đổi qua thời gian.

Chính trên cơ sở của âm Hán Việt ấy mà tổ tiên chúng ta đã đặt ra chữ nôm. Âm Hán Việt chỉ được ổn định sau thời tự chủ của nước ta, vì vậy trước đó nếu có một ít chứng tích thì chẳng qua là chứng tích về tiền thân của chữ nôm, chứ không thể là về chữ nôm chính thức.

## CẤU TẠO

Các nhà Nho trước kia ( như Ngô thì Nhậm chẳng hạn ) vẫn cho rằng cách đặt chữ nôm của ta cũng phỏng theo cách đặt chữ Hán, tức là theo phép lục thư : tượng hình, chỉ sự, chuyển chú, giả tá, hình thanh, hội ý. Sự thực xét cho kỹ, để đặt ra chữ nôm các cụ ngày xưa chỉ vận dụng ba phương pháp mà thôi : Hội ý, giả tá, và hình thanh.

1— "Hội ý " là dùng hai chữ Hán ghép lại để làm một chữ nôm, lấy ý nghĩa của hai chữ Hán nọ mà gợi lên cái khái niệm muốn diễn tả bằng chữ nôm. Thí dụ: dùng chữ THIÊN ghép với chữ THƯỢNG để làm thành chữ TRỜI.

Phép hội ý là phép ít dùng nhất trong cách đặt chữ nôm: Trong tất cả số chữ nôm, chỉ có sáu chữ là đặt theo phép này mà thôi.

2— "Giả tá " là mượn nguyên cả chữ hán để viết ra chữ nôm, khi nào có những chữ hán đọc gần giống như tiếng nói của ta.

a) Có những trường hợp thí dụ như mượn chữ TUẾ mà đọc ra là TUỔI, mượn chữ VŨ mà đọc ra là MƯA v...v... Sở dĩ như thế là vì xưa kia, vào đời Hán chẳng hạn, dân ta học chữ Tàu

do thầy Tàu dạy, đọc chữ Tàu theo giọng thời ấy, lúc bấy giờ TUẾ đọc ra là TUỔI . Dời Đường về sau, giọng đọc của thày Tàu đổi khác, rồi sau đời Đường, nước ta tự chủ, dân ta không học thày Tầu nữa, lối đọc chữ Tàu được Việt hóa dần dần, cho nên âm hán việt của chữ nọ hóa ra là TUẾ. TUẾ, VŨ là chữ hán đọc theo âm hán việt, còn TUỔI, MÚA vẫn là những chữ ấy đọc theo âm xưa. Trong trường hợp vừa nói, ta viết nguyên chữ Hán để rồi đọc theo âm xưa.

b) Có trường hợp khác viết nguyên chữ Hán, và đọc theo giọng hán Việt. Thí dụ : SƠN LÂM, NHÂN GIAN, ĐẮC Ý v.v.

c) Lại có trường hợp khác , ta mượn chữ hán ( đọc theo âm hán việt ) để biểu hiện những từ đồng âm mà không đồng nghĩa, Thí dụ: chữ CHI, chữ THỈ, chữ HẦU v.v..., xét về mặt ý nghĩa thì tiếng hán tiếng việt hoàn toàn khác nhau, nhưng khi viết chữ nôm chúng ta chỉ mượn cái âm mà thôi.

d) Lại cũng có trường hợp khác nữa, chúng ta mượn chữ hán có âm hán việt giống na nádể biểu hiện tiếng Việt. Thí dụ: viết chữ CỐ mà đọc là CƠ, viết chữ MÃI mà đọc là MỚI, viết chữ BIỆT mà đọc là BIẾT v.v...

e) Cuối cùng có trường hợp chúng ta mượn chữ hán, rồi đọc theo cái nghĩa của nó bằng tiếng Việt. Thí dụ: viết chữ VI mà đọc là LÀM , viết chữ ỐC đọc là RÀY.

3— "Hình thanh " là ghép một bộ chữ hán với một chữ hán khác để làm ra một chữ nôm; bộ chữ hán để biểu hiện cái nghĩa đại khái, còn chữ hán ghép bên cạnh là để ghi cái âm. Thí dụ ghép bộ THỰC ( là ăn ) với chữ CAM để làm ra chữ CƠM ; ghép bộ NHĨ ( nghĩa là tai ) với chữ NGHI để làm ra chữ NGHE v.v...

Theo ba phương pháp cấu tạo như đã trình bày trên đây, chữ nôm chỉ là một thứ chữ ghi âm không chính xác mấy. Sở dĩ như vậy là vì âm vận tiếng Việt phong phú hơn âm vận tiếng tiếng Tàu nhiều, không thể nào tìm ra đủ chữ Tàu có giọng tương đương để ghi âm tất cả tiếng Việt. Tiếng Việt có đến 150 vạn mà tiếng Tàu chỉ có 75 vạn : những vần ON, UÔN, ƠN, OP, UT, ƯƠT v.v.. chẳng hạn không hề có trong ngôn ngữ Trung quốc.

DIỄN BIẾN

Thoạt mới ra đời, chữ nôm chắc hẳn thô sơ về cách cấu tạo

và ít oi về số lượng; dần dần nó được cải tiến theo thời gian. Lần theo quá trình diễn biến của chữ nôm, người ta có thể phân chia làm ba giai đoạn.

1— Giai đoạn đầu gồm các đời Lý Trần. Đại biểu cho giai đoạn này là cái bia ở chùa Bảo An đời Lý và bốn bài phú nôm đời Trần.

Trong giai đoạn này, phép cấu tạo thông dụng nhất là phép giả tá; nói cách khác là cổ nhân mượn những chữ hán đọc na ná giống tiếng Việt để viết thành chữ nôm. Toàn bài "Cư trần lạc đạo " chẳng hạn có 1.482 chữ thì đến 1235 chữ nôm cấu tạo theo phép giả tá, tức 83 phần trăm.

2— Giai đoạn thứ hai thuộc đời Lê sơ. Đại biểu cho chữ nôm giai đoạn này là các cuốn QUỐC ÂM THI TẬP, HỒNG ĐỨC QUỐC ÂM THI TẬP, CHỈ NAM NGỌC ÀM GIẢI NGHĨA v.v...

Trong giai đoạn này số chữ cấu tạo theo phép giả tá đã giảm bớt dần, chữ hình thanh và hội ý đã tăng thêm. Trong mười bài đầu của cuốn QUỐC ÂM THI TẬP có 538 chữ thì 381 chữ giả tá, 126 chữ hình thanh và hội ý. Vậy số chữ giả tá chỉ hơn bảy chục phần trăm.

3— Giai đoạn thứ ba được tiêu biểu bằng các cuốn HOA TIÊN KÝ và ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA thuộc các đời Lê mạt và đời Nguyễn.

Lấy hai chương đầu của cuốn Hoa tiên ký ra mà xét thì thấy số chữ hình thanh đã lên đến một phần ba tổng số.

Mặt khác càng về sau yêu cầu chính xác càng phát triển cho nên có những chữ nôm mới được đặt ra để thay thế cho những chữ cũ ( thiếu chính xác ). Cứ theo chiều hướng ấy, chữ nôm được cải tiến cho đến cuối đời Nguyễn, tức cho đến ngày nó bị đào thải để trở thành một thứ tử ngữ.

Sau các phần chính yếu là trình bay về nguồn gốc, về phép cấu thành, về diễn biến của chữ nôm, tác giả dành ra một chương sách để dạy cách đọc chữ nôm, và một phần phụ lục để tìm hiểu về chữ nôm của người Tày.

Số là năm 1941 ông Nguyễn văn Huyên đã phiên âm và dịch ra tiếng Pháp 1716 câu hát của người Tày chép bằng chữ

nôm Tày.

Sau khi phân tích thứ chữ này, ông Đào duy Anh nhận thấy non nửa số chữ mượn nguyên ở chữ nôm Việt Nam, và hơn nửa số chữ còn lại được tạo ra cũng theo qui cách của chữ nôm Việt nam. Vậy có thể khẳng định rằng chữ nôm Tày là em ruột của chữ nôm Việt nam.

VĂN CHƯỞNG

## SÁCH BÁO MỚI

Chúng tôi nhận được:

-- Thi phẩm *Ngày mẹ về* của Hoài Việt do Lá bối xuất bản tại Pháp. Sách dày 20 trang, gồm 10 bài thơ về tình mẫu tử. Sách không đề giá bán. Địa chỉ nhà xuất bản: 69 Boulevard Desgranges, Bâtiment B, 92330 Sceaux, France

– *Đặc san tháng tư 1979* của nhóm sinh viên Việt nam tại đại học Long Beach, do Trần Quảng Nam, Nguyễn hữu Lộc, Văn công Gia, Vũ Tâm Hoan chủ trương và biên tập.

- *UCLA đặc san* của nhóm sinh viên Việt nam tại đại học UCLA, do Giáng Hương, Lê Lực, Lê hữu Tâm thực hiện.

– Tạp chí *Hành Trình* số 11, bộ mới, do Cao thế Dung làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, Vĩnh Liêm làm tổng thư ký.

Chúng tôi xin trân trọng cảm tạ các tác giả và ấn cần giới thiệu cùng quí vị độc giả.

V.H.N.T.

# nói với em lớp sáu

Lần trước V.H.N.T. trình bày bài thơ tình lạ lùng của một bậc... sư tổ. Lần này, không phải là tác phẩm của một thi hào thi bá nào, không phải của một nhân vật lẫy-lừng nào trong các giới văn học, chính trị, tôn giáo, triết-học v.v... Lần này là một trường hợp kỳ dị hơn: bài thơ duy nhất, có thể là đầu tiên (?) của một thiếu nữ chưa hề có chút tên tuổi gì trên văn đàn, một nữ sinh trung học.

Nguyên vào tháng 2 năm 1975, hai tháng trước khi mất nước, bộ Giáo dục tổ chức một cuộc thi văn chương giữa các trường trung học toàn quốc. Ban giám khảo gồm có các vị: Bình Nguyên Lộc, Võ Phiến, Lê tất Điều, Nguyễn Mộng Giác, Minh Đức Hoài Trinh, Minh Quân, nữ họa sĩ Tô Oanh.

Giai phẩm Xuân của trường nữ trung học Gia Long đã được chọn trao giải nhất, giai phẩm trường Bùi thị Xuân (Đà-lạt) được giải nhì.

Trong giai phẩm Bùi thị Xuân ban giám khảo gặp một bài thơ lạ lùng: *Nói với em lớp sáu*, của Trần Bích Tiên. Bài thơ được đăng ngay lên một tạp chí uy tín ở Nam-Việt nam là tờ *Bách khoa*.

Sau bốn năm sống ở ngoại quốc, bây giờ đọc lại bài thơ nọ chúng ta sững sốt trước hình ảnh và tâm tình của một người con gái Việt nam, tưởng như gần gũi mà đã hóa xa xôi. Một cái gì rất thân thiết mà chúng ta đang mất dần, không cách nào lưu giữ nổi.

*Nói với em lớp sáu*, thế còn "chị" lớp mấy? Cao nhất trường Bùi thị Xuân là lớp 12, chẳng qua cũng chưa quá

khởi bậc trung học. Ở xứ Mỹ này, con gái ở high school hãy còn nhẹ nhõm vô tư lự biết mấy. Thế mà "chị 12" trong thơ Việt nam nặng trĩu ưu tư, u hoài, tâm hồn chất chứa đầy kỷ niệm. Bài thơ cho thấy mức độ trưởng thành về tình cảm của một người con gái trong xã hội Việt- nam. Trưởng thành sớm quá, sớm không ngờ.

Còn đang ở trung học nàng đã mất tuổi hoa niên, và kêu than cảm động :

*Thôi nhé em về con phố dưới*
*Giữ hoài cho chị tuổi Hoa Niên.*

Thấy rằng bước chân em lớp sáu nhanh hơn bước chị, rằng cặp em đầy vẫn nhẹ tênh mà sách trên tay chị nghe chừng nặng, nhận thấy được những chi ấy phải là người rất tinh. Phải tinh lắm mới ý thức được độ "chín mùi" của tình cảm mình như thế.

Tâm hồn sớm chín mùi ở một thiếu nữ, ấy là vì hoàn - cảnh đau buồn (ba má nằm dưới mộ, vườn nhà bị thiêu hủy) hay chỉ vì c a i khung cảnh nơi quê hương, ở đ ó con gái sớm có thái độ u ẩn, chín chắn ?

*Này em lớp sáu này em nhỏ*
*"Gặp em rồi muốn thủa không quên."*
*Trời ơi câu đó ngày hôm trước*
*Ai rót vào hồn chị hỡi em ?*

Chúng ta cũ ng kêu theo: Trời ơi, đọc cô rồ i, muốn thuở không quên! Xa quê hương , chúng ta nhớ biết bao cái hình ảnh người thiếu nữ Việt nam u hoài, với bước chân chậm rải và tay sách trĩu nặng ấy !

Tác giả bài thơ này hiện ở đâu ? Nếu nàng đã thoát ra hải ngo ại, V. H. N. T. mong được liên lạc với thi tài ấy.

V.H.N.T.

•

*Này em lớp sáu này em nhỏ*
*Gặp em rồi không quên em đâu*
*Chiều nay hai đứa về qua phố*
*Rất tự nhiên mà mình quen nhau*

Em chạy tung tăng không mắc cỡ
Chị thì bước bước chậm theo sau
Tuổi mười hai chị xa vời quá
Chị gọi em chờ, em chạy mau

Này em lớp sáu này em nhỏ
Em hãy dừng chân một chút lâu
Chị vuốt tóc em rồi chị nhớ
Tóc em thơm ngát mùi hương cau

Hương cau vườn chị xa như tuổi
Ba má chị nằm dưới mộ sâu
Vườn cũ nhà xưa tàn với lửa
Chị đi về hai buổi âm u

Gặp em ngoài phố mình như bạn
Thời mộng trong bàn tay nắm nhau
Chị ngắt cho em hoa cúc nhỏ
Em cười cái miệng mới xinh sao

Ngày xưa chị cũng như em chứ
Cũng rất ngây thơ rất ngọt ngào
Chị nhớ mỗi chiều tan học sớm
Bạn bè đuổi bướm thật xôn xao

Những con bướm lượn trên bờ cỏ
Chị cũng như em chạy đuổi mau
Bây giờ bướm biệt trên đường phố
Em đuổi sương mù chỏi chiêm bao

•

Này em lớp sáu này em nhỏ
"Gặp em rồi muôn thuở không quên"
Trời ơi câu đó ngày hôm trước
Ai rót vào hồn chị hỡi em ?

*Sách trên tay chị nghe chừng nặng*
*Sao cặp em đầy vẫn nhẹ tênh ?*
*Thôi nhé em về con phố dưới*
*Giữ hoài cho chị tuổi Hoa Niên.*

TRẦN BÍCH TIỀN

**PHÂN ƯU**

*Chúng tôi thành thực chia buồn cùng anh chị NGUYỄN VĂN MINH và các cháu, qua tin*

**Cụ Bà NGUYỄN NGỌC CHÂU**
**Nhũ danh HỒ THỊ TỴ**

*từ trần tại Việt Nam ngày 5.4.79, hưởng thọ 63 tuổi. Nguyện cầu hương hồn Cụ tiêu diêu miền cực lạc.*

**Tòa soạn VHNT.**

NHẮN TIN

Họa sĩ Vũ thái Hòa liên lạc gấp với Vĩnh Liêm tại địa chỉ :

HÀNH TRÌNH Magazine
National Press Building
F & 14th Street N.W. #1044
Washington DC. 20045

# Sách Việt hải ngoại

## THƠ CAO TẦN

*L.T.S. Thi phẩm ra đời đã lâu; bài phê bình cũng được viết từ lâu. Tuy nhiên, vì mối cảm tình riêng, bấy lâu bài vẫn còn đợi đó để có dịp trao cho V.H.N.T.; mặt khác, thơ Cao Tần đến nay chưa hết làm xôn xao lòng người đi tản.*

*Vì vậy, chúng tôi lấy làm hân hạnh đăng tải bài của một cây bút quen biết, bạn Hoàng Vũ Đ.V., nhận định về thơ Cao Tần.*

*V.H.N.T.*

Tập Thơ Cao Tần là một tập thơ tôi mong đợi. Tôi không nhớ bài thơ đầu tiên tôi đọc được của Cao Tần là bài thơ nào, đăng trong Bút Lửa. Hình như là bài tận cũng bằng

hai câu:

'Này biển chiều sóng xô ào lớp lớp
Những tiếng đời phiêu bạt khóc thương nhau'...

làm tôi nhớ lại hai câu thơ cổ của Thôi Hiệu:

Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu
(Chiều buông quê cũ nơi đâu
Sóng ơi ngưng khói cho sầu nguôi ngoai.)
(HVDV dịch)

Cũng một buổi chiều ngồi bên bờ nước nhớ nhà, nhớ quê, nhưng nỗi buồn của Cao Tần không nhẹ nhàng, phảng phất như nỗi buồn Thôi Hiệu, nhưng thực bi thảm và thống thiết vì là nỗi buồn mất nước, mất nhà, mất tất cả nơi xưa chốn cũ cùng với những người thân yêu nhất trên đời.

Từ ngày biết tiếng thơ Cao Tần, mỗi kỳ nhận được Bút Lửa là tôi phải tìm ngay xem có thơ Cao Tần không để đọc trước. Cao Tần là ai ? Tôi có hỏi anh Võ Phiến thì chỉ được anh cười trả lời cho biết có lẽ cũng là chỗ quen biết cả nhưng muốn mãi danh ẩn tích đó thôi.

Thơ Cao Tần tôi nhận được nhân dịp *Bút Lửa* đình bản, như một đứa con có nghiệp nặng và mang lớn, khắc cha mẹ. Tôi nhớ lại, khi ở bên nhà, tôi không được biết một "hơi thơ" nào có hơi thơ Cao Tần, cho nên tôi nghĩ rằng sang đây Cao Tần mới làm thơ, như một nhu cầu để giải tỏa nỗi lòng u ẩn, đầy hiên ngang ngạo mạn, pha lẫn một chút châmbiếm tế nhị và nhiều đắng cay chua chát. Như gần hai trăm ngàn đồng bào di tản, Cao Tần sống một hoàn cảnh đổi đời, nước mất nhà tan, thân mình trôi dạt đến bờ bên này Thái bình dưỡng sống nhờ đất người. Hoàn cảnh ấy phải có tiếngthơ ấy. Như thời Chiến quốc có tiếng thơ Đỗ Phủ, và thời quốc cộng nội chiến ở Việt nam có tiếng thơ Tú Kếu.

Tập thơ do tạp chí *Bút Lửa* và nhà xuất bản *Người Việt* thực hiện, giá bán $2.50, khổ nhỏ bỏ túi, 56 trang, đánh chữ viết, trên giấy màu hồng (một màu có lẽ không hợp với tứ thơ và tâm trạng, tinh thần của tác giả). Tranh bìa do họa sĩ Nguyễn văn Mộch vẽ: hình một con ngựa hoang phi trên đỉnh đồi, vó câu ruổi bước mã còn ngoái cổ nhìn lại vầng trăng lên. Hình ảnh vầng trăng xưa có lẽ, và ai biết

được tâm trạng con ngựa hoang này ra sao, rất có thể cũng "hồi đầu tử cố hướng" như thi sĩ (1) vậy:

" Trăng thu sáng lạnh ngợp lòng buồn
Nước mắt không rời cảm lệ tuôn
Xa rồi ! năm tháng hướng thu cũ
Mất nước tha hương nhớ cội nguồn...(HVDV)

Tập thơ gồm 17 bài thơ không đề, hầu hết là thơ 7 chữ và 8 chữ, chỉ có hai bài thơ lục bát, và vài câu 9 chữ rất dễ thương.

Tập thơ mở đầu bằng những câu nhã thơ trả lời cho câu hỏi của "bà Tiên Hiền" hỏi thi sĩ, 'chàng lưu lạc':

Còn ước mơ chi cuối cuộc đời này ?

Câu trả lời thực đơn sơ, mộc mạc những mới khó thực hiện làm sao ! Thi sĩ

"... ước khi không bừng tỉnh giấc
Thấy bình minh muộn nắng đầy hiên
Một khung cửa sổ trời xanh ngắt
Đầu sân xao xác tiếng chim quen
Đường phố ngất ngây mùi bụi mới
Những vòm cây biếc lá me tươi
Quán các sở ta bạn bè đã đợi
Rất từng bừng đâu hót những buồn vui"

Ước mơ đó có bao giờ được thực hiện ? hay không bao giờ ? Chỉ thấy giấc ngủ hiện tại của người thơ đầy ác mộng:

"Chợt nhớ lại, Ô, đêm qua khiếp quá
Mình đã mơ một giấc thật kinh hoàng
Mơ thấy cả một quê hương đổ vỡ
Mình lên đường ngơ ngẩn kiếp lang thang". (tr.4)

Sau giấc mơ kinh hoàng đó, nhà thơ chỉ trả lời Bà Tiên Hiền xin bà:

'Hãy đem hết những đổi đời tan tác
Gối giùm vào cơn mộng dữ đêm qua". (tr.5)

Câu trả lời bà tiên được gửi vào tháng 8 – 1977, hai năm sau cuộc 'đổi đời tan tác' của đám người tị địa, tránh

---

(1) Lý Bạch.

quốc nạn, tìm tự do.

Tập thơ Cao Tần là một tâm sự tha hương, tha hương và mất nước. Thi sĩ coi đời như bỏ, chỉ muốn cùng một vài người bạn tâm giao xa lánh cảnh đời vay mượn này vào sa mạc cụng vài ly rượu và

"Ngồi thiền lặng lẽ như cây cỏ
Quyết lòng tịnh khẩu để nhâm nhi" (tr.7).

Nhưng:

"Phương Nam bão cát lên như khói" (tr.7).

khiến cho trước cảnh chiều tà, thi sĩ lại cầm lòng không được và thấy tai mình lắng nghe lời bạn mình tâm sự:

"Thôi đẹp bây giờ là chiêm bao
Tình nàng bây giờ là kiếp trước" (tr.7).

và muốn nghêu ngao hát 'dăm tiếng ca xưa'. Tiếng hát ấy được khuyến khích hát lên:

"Dù nghe bạn hát chỉ thêm đau" (tr, 6).

bởi vì dù sao tiếng hát đau thương ấy cũng vẫn là niềm vui cho tâm hồn người di tản, tương lai, ngay mai chỉ dành cho một nỗi buồn tênh vì khó tìm ra tri kỷ:

"Cứ hát, ta nghe mà bạn quý
Mai đời di tản lại buồn tênh
Rồi ra cặp được đào thơm Mỹ
Bạn sẽ trăm năm hát một mình". (tr. 8).

Đọc hai câu thơ cuối, chúng ta không nhịn được mỉm cười: người thơ trong cảnh buồn của nội tâm mà vẫn còn hài hước và gói ghém được cái bất khả hợp của hai giống người, hai quan niệm, hai văn hóa trong hai câu thơ 14 chữ! Cái ***shock*** văn hóa — ***the cultural shock*** — mà trước kia mình chỉ nghe thấy nói đến, bây giờ mình trực tiếp kinh nghiệm nó trong bản thân mình, bè bạn, và đồng hương!

Nỗi đau, nỗi buồn, lấy cách thức đo lường nào của khoa học mà lượng được? Nỗi đau vốn chủ quan, làm sao mà biết được nỗi đau nào hơn nỗi đau nào? Đành chỉ biết so sánh nỗi đau của mình ngày nay với nỗi đau của mình thủa trước, và mình sẽ biết rằng nỗi đau của mình ngày

này là nỗi đau lớn nhất vì không có lời nào diễn tả nổi nó được. Nỗi **Đau** nghe gần gũi tiếng **Đạo** bất khả đạo, chỉ cảm được mà vô ngôn. Thi nhân chứng ngộ rồi, ý thức được chân lý của **Đường Đời** rồi, nó nằm gọn trong một chữ Đau của nhà Phật, nỗi đau không lời. Đau không có lời để tả và giải tỏa nổi — nỗi đau quê hương đổ vỡ, nỗi đau kiếp mình ngơ ngẩn...lang thang — nhà thơ tìm phương giải thoát với thiên nhiên, với sông hồ, với chim trời, cá biển và cây rừng...

"Ta đã vượt muôn dặm dài biển cả
Đường tử sinh lui tới cũng đôi lần
Bống bình minh này ngồi thuyền, câu cá
Trời dật dờ n hư lá trên hồ xanh.

Này chú cá rong chơi miền nước biếc
Ta vượt đường muôn dặm chẳng tìm nhau
Bây đặt buông cần mà quên thương tiếc
Cho đời êm, qua đ ược mấy giờ đau

Nói nghe c o i này cổ thụ ven hồ
Kể từ nhữn g trăm năm dài đứng đó
Có gặp khi nào một kẻ xác xơ
Lòng sầu hận hơn kiếp người da đỏ

Đời đang bão khi không chìm lặng ngắt
Như cành khô nằm chết đáy sông sâu
Đời đang dậy s óng thần lên bát ngát
Bống v ù i yên đáy biển một thân tàu

Và móc đời lên cần câu vô vẩn
Đem dìm chơi trong đáy nước rong rêu
Tuổi chưa nặng hồn đã chứng ngơ ngẩn
Lòng vắng khô hồ chết lá lìa vèo. (tr. 10).

Thơ Cao Tần còn 13 bài nữa, mỗi bài là một sự bất ngờ cho người đọc, do ý thơ, từ ngữ và chữ dùng. Những điểm đặc biệt hơn cả của nhà thơ vẫn là ở chỗ n ặn g tình, tình người, đối với bạn b è, đối với đồng đội cũ trong quân đội.

đối với cố hương. Nghe Cao Tần nhắc tới bạn cũ, với những mỉa mai của hoàn cảnh, thực thấm thía nỗi đắng cay:

"Nhớ nó xưa chọc trời xô núi
Thân nam nhi ngang dọc cõi bờ
Bỗng di tản ra thân lúi xúi
Trong trại xếp hàng chầu cơm như mơ.

Trong trại sáng giật mình khóc nức
Đêm, bụng đầy nhóc rượu tìm quên
Gọi vợ trong mơ, gào con tức thức
Nằm thì trằn trọc, đứng thì điên." (tr.12--13).

Và chúng ta mới hiểu được tâm trạng của những chàng Từ Thức về trần đó, biết rằng về nhà, về Việt nam, bằng con thuyền *Việt nam thương tín* là sẽ khổ, sẽ chết, mà vẫn cứ về, để hy vọng được gặp lại vợ con, cha mẹ, họ hàng, — một hy vọng hão huyền —.

Tâm trạng người mất nước là khổ. Về cũng khổ:

"Thằng bạn cười buồn, tác phong lính chiến
Thôi coi đời tao là con củ... khoai" (tr.13)

mà ở lại cũng khổ:

**"Thiên đàng mày hụt thì tao đang sống**
Cũng ngất ngư đời như ... con củ khoai" (tr. 14)

**Mất nước là mất hết. Ở Mỹ không có ai chết đói, có thể nói tuỳ ông đời không có ai khổ về vật chất so sánh với bên nhà, nhưng ai nấy đều than khổ về tinh thần. Đa số người mình có lẽ làm công việc lao động, lương căn bản tối thiểu, nhưng cũng đủ để trả tiền ăn, tiền nhà, tiền điện nước, tiền xe hơi. Trông bề ngoài, nhất là nhìn từ bên nhà, thì thấy ai cũng sung sướng cả. Nhưng còn tâm sự não nề bên trong, ai mà biết được?**

"Ngày ngày phóng xe như thằng phải gió
Đêm về nằm vũi nước mắt chứa chan." (tr. 16)

**thương thân mình, thương nhớ người thân yêu đang khổ sở điêu đứng trăm bề xa cách cả một lục địa và một trùng dương xót xa cho vận nước điêu linh:**

"Bài học lớn từ khi đến Mỹ
Là ngày đêm thương nước mênh mang." (tr.18)

Nửa đời người rồi, nơi tha hương phải học ăn học nói theo tục lệ ngôn ngữ của người, còn "tiếng mẹ thường chỉ dùng chửi đổng" khi có chuyện buồn bực "hay những đêm sâu tỉ toáy làm thơ" (tr. 17).

Thơ là phương thức để thi sĩ giải tỏa nỗi niềm u ẩn, nhất là khi tiếp xúc với thiên hạ thấy:

"Tình người nhỏ hơn que tăm",

mặc dù có "đất trời bát ngát" (tr, 17). Thi sĩ cảm thấy mình mất hết hồn nhiên và già nua cằn cỗi như tuổi trời đến cả nghìn năm", và ông bỗng thấy trong lòng thù hận đám người vong bản đem lý thuyết ngoại lai làm 'nghèo xi" nước mình, và nói lên một cuồng vọng ao ước được trở thành một anh hùng để cứu quê hương, cho tất cả đám người ấy vào trại học tập 'cải tạo" học tập yêu thương thay vì hận thù. Khi ấy:

"Cuộc chiến cứ sẽ coi là tiền kiếp
Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm
Bỏ bịch hết không đứa nào là ngụy
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng" (tr. 18)

Người thưởng thức thơ Cao Tần không khỏi nghĩ rằng nhà thơ đã thực thấm nhuần tinh thần của cả Phật lẫn Chúa mà giáo lý đã được gieo truyền từ nhiều thế kỷ nay trong tâm hồn dân tộc và đã là kim chỉ nam xử thế nhiều đời. Tinh thần ấy không có chỗ để cho hận thù có đất sinh trưởng.

Bài thơ số 7 đã làm phai mờ hẳn bài *Nhớ rừng* của Thế Lữ năm xưa hồi Pháp thuộc. Chuyện:

"Dăm thằng khùng họp nhau bàn chuyện lớn
Gánh sơn hà toan chất thử lên vai
Chuyện binh lửa anh em chừng cũng ớn
Dọn tinh thần :cua nhẹ đỡ ba chai.

Rừng đất khách bạt ngàn màu áo trận
Xong hiệp đầu mấy núi đã bâng khuâng
Hào khí bốc đủ mười thành chất ngất
Chuyện vá trời coi đã nhẹ như không

Một tráng sĩ vung ly cười ngạo mạn
Nửa đời xưa ta trấn thủ lưu đồn
Nay đất k h á ch kéo lê đời rất nản
Ta tính sẽ về vượt suối trèo non...

Sẽ có lúc rừng sâu bừng chuyển động
Những hùm thiêng cựa móng thét rung trời
Và sông núi sẽ vươn mình trỗi dậy
Và cờ bay trê n đất nước xinh tươi "...

Một tráng sĩ vô em chừng sáu cối :
"Thần Tự Do giờ đứng ở nơi nao ?
Ta muốn đến leo lên làm đuốc mồi
Tự đốt mình cho lửa sáng xem sao...

Thần Tự Do giờ hoài cây đuốc lạnh
Ta tiếc gì năm chục ký xương da
Sẽ làm đuốc soi tìm trong đáy biển
Những oan hồn ai bỏ giữa bao la..."

Bình minh tới một chàng bừng tỉnh giấc
Thấy chiến trường la liệt xác anh em
Năm tráng sĩ b ị mười chai quất gục
Đời tha h ường coi bô vẫn êm đềm

Sân gác trọ những tâm hồn bão nổi
Những hào hùng uất hận gối lên nhau
Kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới :
"Ta làm gì cho hết nửa đời sau ?..."(tr.19—22)

Tâm trạng nhớ nước trong hoàn cảnh đổ vỡ của quê nhà là tâm trạng chun g, nhưng có lẽ chưa có ai diễn tả đầy đủ như Cao Tần, vừa tinh thần, vừa thể chất như tâm trạngnhớ nhung của một người tình nhớ người yêu hay một người con nhớ mẹ :

"Chiều nay ra biển ngồi ngơ ngẩn
Nhưng hai giờ trong nước Thái bình dương
Để hồi ta dạt về bờ Ô Cấp

Chạm thân ái vào lưng đất mẹ tang thương" (tr. 2[illegible])
..."Thở thật dài vào thinh không bát ngát
Theo gió về động lá cánh rừng xa..." (tr. 21).

Những gì còn lại nơi quê xưa chốn cũ bây giờ được [illegible] người gói ghém thật kỹ, dấu đi ở một nơi nào kín đáo [illegible] trong tâm hồn, chắt chiu từng chút và không dễ gì [illegible] chia xẻ với ai, như chuyện "chàng Cù Lần có cái [illegible]" trong bài thơ số 9, trong chứa đựng một miếng [illegible] gia dúi tay cho lúc lên đường, một chiếc khăn tay [illegible] cũ xịt, màu nâu già thêu mấy chữ xanh xanh của [illegible] ngày vào quân ngũ, và những danh thiếp cũ, những [illegible] người, tên tỉnh đã xa xưa :

"Cái túi nhỏ tưởng đầy lòng ti tiện
Hóa đem theo muôn vạn mảnh quê nhà" (tr. 2[illegible])

Thi sĩ cũng như chàng Cù Lần, cũng có một khó [illegible] thiết dấu ở trong tim :

"Với khăn tay nhàu nát chú thêu xanh
Với danh thiếp những tên đường đã đổi
Những số nhà chớp mắt đã tang thương
Những chỗ hẹn nghìn năm không trở lại
Những tên đời tới tả khắp quê hương." (tr. 2[illegible])

Nếu bài thơ số 7 đã làm phải mờ bài *Nhớ rừng* của [illegible], thì phải nói bài số 10 *Thư quê hương như tên hề ốm nặng* đã làm quên bài thơ *Trường an* của Đỗ Phủ :

"Thư quê hương như tên hề ốm nặng
Hồn tang thương sau mặt nạ tươi cười
Son phấn hân hoan phủ nghìn cay đắng
Mắt lệ đầy minệg hát những lời vui

Ta biết thư em vượt muôn cửa ải
Mắt sài lang xoi bói cả linh hồn
Em chẳng được khóc cùng ta bằng chữ
Thì gửi chi dăm khẩu hiệu buồn nôn

Gửi cho anh vài sợi tóc mẹ già
Rụng âm thầm trên hiên chiều hiu quạnh
(Nuôi một bầy con, cuối đời vẫn lạnh)
Cho anh hôn ơn nặng một thời xa.

Anh muốn thở mùi nhọc nhằn nô lệ
Gửi cho anh manh áo rách con thơ
Con chào đời, ta rừng sau lính trẻ

Ta non cao, con tập nói u ơ
Giờ bước đầu đôi chân non vấp ngã
Sao nâng con qua triệu lớp sưởng mũ

Gửi cho anh viên sỏi nhỏ bên đường
Anh sẽ đọc ra trăm nghìn lối cũ
Gửi cho anh vài nhánh cỏ quê hương
Anh sẽ đọc đất trời ta đã thở

Và gửi cho anh một tờ giấy trắng
Thấm nước trời quê qua mái dột đêm mưa
Để anh đọc : mênh mông đời lạnh vắng
Em tiếc thương hoài ấm áp gối chăn xưa' (tr 30 - 32)

Phải xa quê mới thấy nhớ quê, như khi mất người thân rồi mới thấy hối tiếc những ngày gần gũi nhau sao không biết nhường nhịn nhau, thương yêu nhau và sống êm đềm với nhau. Bây giờ phiêu bạt sang đây sống giữa đám người khác giống, cử chỉ, ngôn ngữ, cách xử sự đều lạ lùng khó hiểu, 'tiếc xưa ' thì đã muộn

' Chỉ gặp toàn Tây một chiều bát phố
Tiếc sao xưa cả nước chẳng quen nhau
Quen cả nước ? Ra đường chào gãy cổ
Và chắc gì nay nghĩ lại không sầu

Nhưng quen cả nước chắc lòng sẽ nhẹ
Khi đi có chào - may bớt xót xa
Ôi ! xóm xưa ơi khi nào đổi kiếp
Tôi về thành chim hót trước hiên nhà '. (tr. 35)

Sống trong xã hội người, thích ứng với hoàn cảnh hiện tại là một điều thật khó khăn, thật khổ tâm. Tự nhiên thi sĩ luôn luôn thấy mình sống với dĩ vãng, niú lấy dĩ vãng để mà sống. Nhưng một ngày nào đó, thi nhân bỗng ý thức ra rằng thời gian đã làm dĩ vãng cũng phải phai mờ khi :

Hát đầu ngày bằng một chút vui
Hát nghêu ngao trong lòng xe rỗng tuếch
Hát ca quen bỗng chợt quên lời
Chút kỷ niệm còm lại mất khởi khởi ' (tr. 36)

Rồi trong cuộc sống mới, phải đúng ngôn ngữ mới, [illegible] chua xót nhận chân rằng :

Tiếng Việt trong ta ngày mỗi héo
Hồn Việt trong ta ngày mỗi khô' (tr.37)

Sỗ buồn, nỗi chán càng thấm thía. Sáng ngày ra đi [illegible]
Giữa đỉnh sương mù thông đáy vực
Trên đường chênh chếch nắng mênh mang
Trôi xuôi một mảnh hồn lưu lạc
Đi chân nhân gian ở cuối đường' (tr. 37)

Chiều về lên dốc thân tôi tả', lại thấy cảnh:
Giữa đỉnh sương mù thông đáy vực'

[illegible] thi nhân cảm thấy mình chỉ còn là một linh [illegible] xuôi ngơ ngẩn :

Cong lưng gánh nột đời lưu lạc
Năng trĩu nghìn cân nhớ nước non'(tr.38)

Lần đã ma đọc hai câu thơ này chắc cũng phải nở mơ [illegible] sung sướng mà tấm tắc hậu sinh khả úy.

Thấy kỷ niệm bị thời gian làm phai mờ, thi nhân cảm cố bám vào kỷ niệm để sống, như một người sắp chết đuối cố bám vào một cái phao. Những kỷ niệm xưa dù có phai mờ nhưng vẫn vốn đầy tươi mát, đủ để làm bớt khổ tâm hơn [illegible]
trong hoàn cảnh hiện tại :

Trong công viên xưa có chiếc ghế đá
(Gió dầm mưa chiều hay tươi nắng mai?)
Ghế như ngà, bên hàng thông, em nhớ ?
Ta bên nhau trên đó những ngày vui.

Chiếc ghế từng nghe lá úa thở dài
Hay đồi cỏ mùa xanh cười rực rỡ
Chiếc ghế từng ngậm ngùi
Của thời em rất nhỏ

Em hãy đến tìm ở nhà thờ đó
Ngôi thánh đường gạch hồng như son
Nơi ta cùng quanh quẩn những hoàng hôn
Tìm kỹ nhé, ngay sau cây Thánh giá

Em hãy tìm về sau căn nhà cũ
Đứng bên rào mà ngó lại vườn xưa
Em nhớ nhé, dưới tán cây trứng cá,
Những trái mọng hồng trong ánh nắng sau mưa

Ở góc vườn còn một viên gạch vỡ
Nơi nẩy mầm hy vọng một đàn dưa
Kín đáo nghe em, giờ nhà đổi chủ
Những kho tàng ta chắc còn nguyên do

Đứng trước vườn xưa em hãy mỉm cười
Dù môi buồn đã héo xanh thương nhớ
Nuốt lệ thầm và cười cho tươi
Như chiều xưa đón anh về hôn hở
(Kho tàng ta có một ông thần
Nụ cười em là câu thần chú
Thần chú đọc xong, kho tàng sẽ mở)

Kho tàng ta em yêu nhìn xem
Dưới ghế công viên anh giấu thời thơ dại
Trên tháp nhà thờ anh giấu niềm tin
Trong vườn cũ anh giấu thời hạnh phúc
Nơi nụ cười em anh giấu trái tim

Hãy chia cho anh một nửa kho tàng,
Để cũng tiêu trong chuỗi ngày khốn khổ
Thêm một lần thứ sáu trăng đêm
Để hồn về một Sài gòn đang sống
Gõ tuyệt vọng cửa thiên đàng đã đóng
Xin chia nhau ngày khốn khổ cùng em."(tr.40 – 43)

Cảnh xưa còn in trong trí nhớ dù có phai mờ với thời gian, và thi nhân bâng khuâng tự hỏi cảnh ấy bây giờ ai là người biết thưởng thức trong cuộc sống mới bên nhà ,

Nhà nước chỉ chủ trương có một mục đích là kinh tế đứng đầu và tình cảm chỉ là một thứ xa hoa làm trở ngại tiến bộ:

"Chú nào đi đường ta bình minh này
Có nhớ chào dân xom ta dậy sớm
Có nghe thơm mũi bụi mỗi đầu ngày
Trong lá hoa tươi mừng nắng lớn

Chú nào trưa nay ngồi trên đồi ta
Thở gió thông k hô quen từ kiếp trước
Đếm nắng hoa sao nở đầy trên hồ
Trưa thật tuyệt vời, đẹp hơn mơ ước

Chú nào ngồi trước hiên nhà ta chiều nay
Nghe mưa Sài gòn rạtrào thơm mát
Sau một ngày n ắn g lóa chín tầng mây
Những má i tôn mưa cười ran hạnh phúc

Chú có biết yêu thương vài nụ hồng
Đã thắm tươi trên giàn che cổng gỗ
Mưa mênh mông xa đến cõi v ô cùng
Vỗ rộn ràng vui trên từng lá nhỏ

Chú nào đê m nay kê đầu gối đó
Thở hươn g nồng hạnh phúc của trần gian
Có biết nỗi nghìn năm sau vẫn nhớ
Vẫn hai vai êm âm mãi ôn nàng ?(tr. 44—46)

Trong cảnh buồn , cảnh khổ, hiểu thêm về nhân tìn h thế thái, với tâm hồn gần gũi thiên nhiên, thi nhân như biết rằng rồi ra mình cũng tìm được một lối thoát nó chính là con đường xưa c ủ a Trang Tử :

"Trên núi ca o ta biết rành một chỗ
Cơ hòn đá xanh, có gốc thông già
Ngồi trên đá ông sẽ thành Trang tử
Hồn nhẹ tênh theo bướm lượn chiều tà"(tr. 50)

Nhưng bây giờ thì chưa, vết thương trong tâm hồn kẻ chiến bại vì bội phản vẫn chưa hàn gắn mặc dù một thời gian đã âm thầm lặng lẽ trôi qua. Trong kho tàng xưa còn

một tấm giấy c hứng chỉ tại ngũ trong quân đội v ẫn nhắc nhở lại thời o a n h liệt xưa làm thi nhân chạnh n h ớ lại tháy lòng quặn đau :

"Nhìn hình chim in trên tờ chứng chỉ
Chợt nhớ câu thơ gãy cánh đại bàng
Ngàn lẫm liệt tan trong chiều rã ngũ
Muôn anh hùng phút chốc hóa lang thang...

Ôi trong ví mỗi người dân mất nước
Còn một oan hồn mặt mũi ngu ngơ
Ôi trong trí mỗi anh hùng thuở trước
Còn dậy trời lên những buổi tung cờ". (tr.54–56)

Tiếng thơ Cao Tần sẽ là một tiếng thơ thời đ ại, một tiếng thơ lịch sử, – lịch sử của một cuộc chiến tranh ý-thức hệ giữa những người anh em trong một nước, lịch sử của một sự b ội phản với kết quả là sự đau kh ổ v ô biên của một dân tộc bé nhỏ nhưng quả cảm và đầy tình người. Ước mong của người viết bài này, nhân ngày giỗ thứ ba của Cộng Hòa Miền Nam là tập thơ Cao Tần sẽ có duyên được một tâm hồn thi nhân đồng điệu nào có đủ rung cảm và hào khí để dịch sang tiếng Mỹ như một đóng góp bằng vết hận, nước mắt và tha thứ của đợt sóng người đông đảo đ ã tản đến Hoa kỳ trong một bối cảnh lịch sử mà chính quốc gia Hoa kỳ, dân tộc Hoa kỳ đã góp phần lớn nhất tạo nên.

HOÀNG VŨ Đ.V.

30 tháng 4 năm 1978
Mar Vista,
Los Angeles.

# THỜI SỰ

## Văn hóa

### DOÃN QUỐC SỸ VÀ BẠN BÈ

Doãn Quốc Sỹ là một nhà văn mà cũng là một nhà giáo. Trong cả hai giới cầm bút và cầm phấn, họ Doãn đều có nhiều bạn bè thân thiết, vì Doãn quân là một người rất tốt bụng. Cả ông lẫn các nhân vật tiểu thuyết của ông đều dễ thương, không hề làm điều gì có hại đến người khác.

Ngày nay, Doãn quân bị chính quyền cộng sản giam cầm ngược đãi, một mặt cơ quan Ân xá Quốc tế đã lên tiếng can thiệp, một mặt bạn bè ở hải ngoại cố gắng giúp đỡ gia đình nheo nhóc của ông. Giáo sư tiến sĩ Nguyễn qúi Bổng ở Gia nã đại đang chủ xướng việc tái bản toàn bộ tác phẩm của Doãn quân tại Hoa kỳ để kiếm một món tiền nhằm mục đích giúp đỡ nói trên.

Được biết đã từ một năm nay có nhà xuất bản ở Mỹ đã in bán cuốn *Dòng sông định mệnh*, hẳn đã thu được ít nhiều. Trước việc làm của nhóm bạn Doãn quân, liệu nhà xuất bản nọ có vui lòng phác một cử chỉ đẹp để đối với người có công trong văn học Việt nam suốt hai mươi năm qua ?

### CẢI LƯƠNG TRÊN ĐẤT MỸ.

Bốn năm sau cuộc di cư tị nạn của người Việt nam, một đoàn cải lương vừa được thành lập và ra mắt trên đất Mỹ.

Cuối tháng 6–79 này vào hai buổi tối thứ bảy 23 và chủ nhật 24, tại Los Angeles đoàn *Ánh sáng Miền nam* của La-thoại Tân và Duy Huê sẽ trình diễn hai vở tuồng *Tiếng hạc trong trăng* và *Thiếu phụ Nam xương*. Thành phần đào kép gồm có Vương Kiệt, Hoàng Hùng, Đặng Hồng, Xuân Phát, Thu Vân, Kim Xuyên Lan, Hoài điệp tử..v.v...

Cải lương ở Việt nam được mê say như điếu đổ. Để rồi xem vận mệnh nó trên đất Mỹ ra sao.

## MƯA KHÔNG SA NỮA

*Cũng tưởng chiêm bao, tưởng mộng mơ*
*Tưởng sau hàng dậu bóng ai chờ...*
*Cũng tưởng đêm qua, tưởng đêm nay*
*Tưởng me say ngủ, tưởng đêm dài...*

Từ ngày xa quê hương, họa hoằn chúng ta mới được đọc những câu thơ ôm ờ như thế.

Người ta có thể diễn tả những tư tưởng tuyệt độ cao siêu bằng ngoại ngữ, nhưng khó lòng biểu diễn một phong cách ỏm ờ, hư hư thực thực duyên dáng như vậy bằng ngoại ngữ. Cho nên câu thơ lắm người xa xứ cũng quí ngôn ngữ dân tộc.

Nhân thưởng thức thơ, xin nói rõ một chút về người thơ. Người thơ phái nữ này lần trước đã có bài trên V H N T, ký tên Nguyễn thị Mưa Sa. Sau đó không biết vì sao vội vàng xóa tên cũ, đặt tên mới.

Gió táp mưa sa là phận dãi dầu của mỗi dân di tản, nữ sĩ còn kiêng sợ gì nhỉ?

## NGHỆ THUẬT VÀ CHẾ ĐỘ

Một loạt văn nghệ sĩ vừa trốn thoát chế độ cộng sản Việt nam ra đi. Đó là Trịnh Công Sơn, Thái Thanh, Phạm đình Chương Nguyễn đức Quang.

Các nhạc sĩ và ca sĩ nói trên hiện tạm trú tại Mã-lai, chờ ngày vào Hoa kỳ.

Trong số các văn nghệ sĩ này, có người như Trịnh Công Sơn đã từng có thời kỳ hợp tác khá chặt chẽ với nhà cầm quyền cộng sản. Rốt cuộc, khi có cơ hội, nghệ thuật vẫn tìm đến một môi trường tự do.

## LẠI NHÀ VĂN VÀ NHÀ NƯỚC

Gần đây nhà cầm quyền cộng sản Việt nam thường cho đám Hồ ngọc Nhuận, Lý quí Chung lên đài phát thanh mang những tác phẩm của bản báo chủ nhiệm vừa viết ở hải ngoại ra trích

dấn, xuyên tạc, vặn vẹo, công kích.

Thái độ ấy của nhà cầm quyền cọng sản Việt nam đối với Võ Phiến không có gì lạ. Hồi Võ Phiến ở Nam, cọng sản ở Bắc vẫn ra sức đều đều công kích : cứ ít lâu trên các tạp chí văn nghệ của họ lại có bài 'nghiên cứu' về tác phẩm Võ Phiến Bây giờ Võ Phiến ở Mỹ, cọng sản Việt lai vẫn tiếp tục ... truyền thông !

Trải mấy mười năm, trước sau như một, vẫn chăm chỉ theo dõi đọc kỹ V P : Thế là ngoan. Tốt.

Cách nhau trùng dương vẫn đem văn chương nhau ra bình luận, lời lời vòng qua đại dương làm rộn ràng không - gian : Thế là vui.

Điều đáng tiếc là nhà cầm quyền cọng sản không đánh giá được Chung Nhuận ; dám hỏng kiểu. Lời nói bao giờ cũng là mong có tai nghe. Nhân dân miền Nam và bà con Việt kiều tị nạn làm sao nghe nổi giọng nói của đám Chung Nhuận ? Chỉ nhọc thân khuyển mã mã không nên cơm cháo gì.

## SINH VIÊN VIỆT Ở MỸ

Theo thống kê của Viện Giáo dục Quốc tế thì Mỹ có chừng 11 triệu sinh viên, trong khi đó sinh viên ngoại quốc học tại các đại học Mỹ chiếm đến 235.509 chỗ.

Trong số sinh viên ngoại quốc tại Hoa kỳ thì Ba-tư nhiều nhất (36.220 sinh viên).

Nói chung thì sinh viên Á châu nhiều hơn các châu khác. Đài loan 13.650, Hưởng cảng 12.100, Ấn độ 9080, Nhật 9050, Việt nam 6.640, Thái lan 6.340, Nam Hàn 4.220.

Ngoài Á châu ra , các nước này đáng chú ý : Nigeria 13.510, Gia na dai 12.600, Venezuela 7.420, Mc 5.170, Anh 4050.

## HÁT CHO NGƯỜI VƯỢT BIỂN

Ngày 2–6–79 vừa qua, hội Người Việt tại Central Valley Fresno, đã tổ chức đêm văn nghệ dành cho người vượt biển. Gia đình Phạm Duy góp mặt trong buổi trình diễn nay, đem đến một thành công rực rỡ.xứng đáng.

## MẠNH THƯỜNG QUÂN VĂN HÓA

Một nhà Mạnh Thường Quân vô danh vừa nhờ Hội quán Việt - Việt nam tại San jose loan báo một chương trình ủng hộ các hoạt động văn hóa Việt nam trên đất Mỹ. Điều khen như sau:

1– *Thời hạn: 1nam kể từ tháng 5,1979,và sẽ gia hạn sau*
2– *Tiền ủng hộ: $100.00 cho một công tác. Một người hay*

*một đoàn thể có thể nhận nhiều lần không giới hạn.*

*3– Hình thức: Trình diễn hay sáng tác văn hóa không có mục đích thương mãi.*

Để nhận thưởng xin liên lạc với hội quán Việt nam tại San Jose.

## ĐÊM VĂN NGHỆ Ở SEATTLE

Nhân dịp Phật đản 2523 tại Seattle gia đình Phật tử Liêu Quân đã tổ chức một đêm văn nghệ xuất sắc thu hút số khán giả trên một nghìn rưỡi người.

Đêm văn nghệ được tổ chức tại hội trường trường trung học Lincoln, với sự góp mặt của nữ ca sĩ Thanh Thúy và diễn viên Việt Hùng.

## GIÁO SƯ NGUYỄN ĐÌNH HÒA Ở SEATTLE

Ngay hôm sau buổi trình diễn văn nghệ Phật đản, giáo sư Nguyễn đình Hòa đã nói chuyện về văn hóa tại sân cỏ chùa Việt nam ở Seattle.

Trong hơn một tiếng đồng hồ, giáo sư Nguyễn đã trình bày những thành quả của mình trong việc phổ biến văn hóa phát huy ngôn ngữ Việt nam tại Hoa kỳ, và kêu gọi Việt kiều hợp lực trong công cuộc văn hóa này.

Hòa thượng Thích Thiện An, có mặt tại buổi nói chuyện đã phát biểu ý kiến và nêu ra một số vấn đề đáng chú ý.

## VẤN NHÀ VĂN VÀ NHÀ NƯỚC

Nhà văn Stefan Heym, một trong những cây bút sáng giá nhất của Đông Đức vừa bị nhà nước phạt 4.500 bạc về tội đã cho xuất bản ở Tây Đức (tức nước ngoài !) một cuốn tiểu thuyết.

Tác phẩm nhan đề là *Collin* có những chỗ thiếu lập trường vì không có cảm tình đúng mức đối với các đồng chí công an mật vụ Đông Đức.

Nhà văn Việt nam bị kẹt trong chế độ cộng sản có sách tái bản khá nhiều ở ngoại quốc, mà tác phẩm mới được viết ra mắt ở ngoại quốc cũng không phải không có. Nghe đâu nhà cầm quyền Hà nội đang nghiên cứu chính sách văn hóa của các đồng chí Đông Đức đấy lắm.

## SÁCH G... GIẢ ?

Độc giả Việt nam chắc chắn hãy còn nhớ cuốn *Nhật ký Anne Frank*, bản dịch, do nhà An tiêm ấn hành ở Sài gòn thật đẹp. Cuốn sách ấy là một trong những tác phẩm bán chạy nhất trên thế giới sau Thế chiến II.
Có những phần tử thần quốc xã bảo rằng đó là sách... giả! vì câu chuyện Anne Frank không có thật.

Anne Frank đã chết với chị tại một trại tập trung quốc xã hồi tháng 3–45, khi nàng chưa kịp hưởng sinh nhật thứ 16.(Kể ra còn ba tháng nữa mới đến sinh nhật). Vì thế, tác giả cuốn nhật ký nọ không cãi vã gì cả!

May quá, nàng còn một người cha, ông Otto Frank, hiện 90 tuổi, còn sống tại Luân đôn (Đó là người duy nhất trong gia-đình Frank còn sống sót). Ông cụ Otto kiện lại kẻ vu cáo, xuyên tạc sách con, và thắng kiện.

Năm nay, ngày 12 tháng 6, tức ngày sinh nhật thứ 50 của Anne Frank, ông cụ còn hoạt động để lấy tiền bỏ vào quỹ Cơ sở Anne Frank.

## BÁO ĐỌC GIỮA TRỜI

Loại tạp chí dành riêng cho hành khách đi máy bay vừa làm một cuộc cách mạng kể từ 1976. Trước đó, hãng trăm triệu hành khách mỗi năm chẳng mấy ai chú ý tới các tờ báo tạp nhạp nhét trong cái túi đặt đằng trước ghế hành khách. Số đọc giả của các 'tạp chí đọc trên không' nay đã lên tới mức kỷ lục : 10 triệu mỗi tháng, hay 120 triệu mỗi năm.Con số trên quả là đáng kể nếu người ta biết 6 trong 10 tờ báo đọc trên không trung sáng nước nhất là do công ty East-West Network xuất bản.

Đây là cơ sở cách mạng tiền phong trong việc khai thác thị trường to lớn nói trên. Sự thành công được tính theo số tiền quảng cáo thu được của 10 tạp chí sáng giá là 20 triệu mỹ kim cho năm 1978. Tiền thu được do xuất bản là 20 triệu, trong số đó lời khoảng 2 triệu.

Phải chú ý tới tài ba của cơ sở East West Network trên phương diện bài vở nhằm thích hợp với tâm lý đặc biệt của thành phần khách hàng. Thống kê cho thấy hai phần ba số hành khách là 'hi-đi-net-men' và các chuyên viên có số lương cao hơn 34.000$ mỗi năm.. Cho hay thị hiếu và tâm tình con người trong xã hội văn minh luôn luôn bị tìm hiểu nghiên-cứu để khai thác.

## TRUYỆN THẦN TIÊN

Một nhà phân tâm học Mỹ, bà Dorothy Bloch, nhận xét rằng trong rất nhiều truyện thần tiên có những chuyện cha mẹ (ruột hoặc ghẻ) tìm cách ám hại hay giết chết con cái. Thí dụ như truyện Thằng Bé Tí Hon (Le Petit Poucet) bị bố mẹ bỏ trong rừng, như cô nàng Bạch Tuyết bị bà hoàng hậu (mẹ ghẻ) cho người giết, rồi chính bà cũng đích thân xuống tay v.v... Bà Bloch cho rằng trẻ con vẫn thích đọc truyện thần tiên như thường, vì nhờ đọc truyện chúng có thể xóa bỏ được sự sợ hãi tiềm thiện bị bố mẹ ruồng bỏ hoặc giết chết.

Trong cuốn "*Vậy thì bà phù thủy không ăn thịt tôi*" (*So the Witch won't eat me*) mới xuất bản, bà Bloch đưa trên 25 năm kinh nghiệm và khoảng 600 bệnh nhân trẻ em mà kết luận rằng sự sợ hãi bị giết chết của trẻ em rất là quan trọng trong tiến trình phát triển tâm lý của con người lúc còn trẻ thơ, cũng như trong nhiều trục trặc về thần kinh lúc lớn lên.

Bà tuyên bố: "Tôi chưa thấy một bệnh nhân trẻ em nào không mang ít nhiều tâm lý sợ hãi này và lối sống của chúng không được hình thành để vẫn giải điều sợ hãi đó". Theo bà trẻ em cảm thấy quyền năng về vấn đề sống và chết của cha mẹ rất đáng ngại. Chúng biết là nếu giận dữ và bạo động ngược trở lại cha mẹ, cũng rất nguy hiểm. Vì vậy tất cả cảm xúc đã được chuyển hóa tới những truyện phù thủy, thần tiên và ma quái.

Đôi khi, nếu đứa trẻ bị bố mẹ hành hạ, nó sẽ tìm tới sự mơ mộng tai hại, kể cả mơ được đổi phái tính (sex) để cha mẹ nó hài lòng.

Bà Bloch cũng đưa ra một giải thích mới về mặc cảm Odipe. Ba cho rằng trẻ con quyến luyến bố mẹ không phải để giải trừ các xung động tâm lý về sự loạn luân (inc e st) như Freud đã giả thiết, mà đó chỉ là một chiến lược tình dục để vượt thắng và kiểm chế được sự đe dọa của cha mẹ.

Freud, theo bà, đã quên mất một điểm quan yếu: là Odipe suýt bị bố giết chết.

## SAMIZDAT KIỂU TÀU

Đã từ lâu nhà cầm quyền Nga khốn đốn vì loại sách báo bí mật tố cáo chế độ độc tài, phổ biến những tác phẩm của các văn thi sĩ được mến chuộng mà bị cấm đoán đến tay người Nga trong nước và độc giả Tây phương ngoài nước.

Bây giờ đến lượt Trung cộng bắt đầu bị thủ văn nghệ Samizdat này quấy phá. Tại Bắc kinh trong thời gian gần đây người ta thấy vào ngày chủ nhật có một số người trèo lên bờ tường Dân chủ bán tờ tạp chí *Khai Phá* (?) (*Exploration*)

với giá rất rẻ.

Báo do một cây bút tên Wei Jingsheng chủ trương. Nhân vật này đã bị bắt về tội 'phản động', nhưng tờ báo vẫn cứ tiếp tục ra đời.

Hoạt động này được biết là do nhóm Quang hội để xướng, để chống lại độc tài. Nhóm tố cáo Đặng Tiểu Bình là phát - xít. (Đó là cái mỉa mai : Ngày Giang Thanh cấm tuyệt sách báo , đốt rào mọi thứ ngoài sách báo cộng sản chính thống, thì không bị tố cáo độc tài. Họ Đặng vừa khẽ mở cửa tự do liền bị đập ngay vào mặt. Cho nên độc tài mà không đến nỗi đến chốn là khổ thân nhà !)

**THẠCH TÂM và TỐNG QUÂN**

# Chính trị

## TÙ NHÂN VÀ CHUYỆN TÙ ĐÀY TẠI VIỆT NAM

Từ đầu năm đến nay hai ông Đoàn văn Toại và Nguyễn hữu Hiệu đã đi nhiều nơi từ miền đông Hoa kỳ (Hoa thịnh đốn, Nữu ước...) sang miền tây (Los Angeles, Cựu kim sơn v.v...), mở nhiều cuộc nói chuyện để làm sáng tỏ tình hình tại Việt nam hiện nay trước dư luận Mỹ.

Hai ông đã gặp những nhân vật danh tiếng như nhà văn Henry Miller, ca sĩ Joan Baez ,cựu bộ trưởng Eugene Ros - tov, giáo sư Stanley Hoffman v.v...,đã thuyết trình tại các viện đại học lớn như Harvard, Berkeley, Yale v.v..., đã đối thoại với những tay thiện cộng như Don Luce, Gary Porter...

Hoạt động tích cực của hai ông đã ảnh hưởng lốt đẹp đến dư luận Hoa kỳ, khiến cho một số đông dậo người Mỹ bắt đầu để ý đến sự thực đen tối tại Việt nam dưới chế độ cộng sản.

Sau cuộc thuyết trình tại đại học Minnesota, hai ông sẽ tạm nghỉ một thời gian trước khi bắt đầu một đợt hoạt động mới vào mùa thu tới.

HÀ NỘI NHÂN ĐẠO.

Đầu năm 1979 Hà nội mời ông DeHaan, Phó Cao ủy Tị nạn Liên hiệp quốc sang, báo cho biết họ sẵn sàng để dân Việt xuất ngoại đoàn tụ với gia đình. Ông DeHaan loan ... tin vui, dư luận khắp nơi xôn xao, Việt kiều đi tản cuống lên. Từ trong nước bà con viết thư, đánh điện tới tấp ra ngoài, yêu cầu thân nhân làm đơn xin đoàn tụ.

Thiên hạ bàn tán, bán tin bán nghi. Thấy thế, Hà nội lại phóng tay đánh luôn phát nữa : Tuyên bố mỗi tháng sẵn sàng cho xuất ngoại 10.000 người.

Dư luận càng sôi nổi, càng phân vân. Thế là thế nào? Phen này cộng sản tính dứt điểm Tây phương về mặt trần nhân đạo chăng ? Nước nào ở Tây phương đón nổi mỗi tháng mười nghìn ? đo nỗi ngón đòn nhân đạo của Việt cộng? Họ nói chơi hay nói thiệt mà, cứ nói rồi hoãi vậy cả ?

Thấy thiên hạ bối rối, Hà nội lại thừa thế phóng luôn một chưởng nữa : Danh sách 10.000 người đầu tiên đã sẵn, có thể lên đường ngay trong vòng mấy tuần tới. Ai chịu đón nước xin rước ngay cho.

Tây phương bối rối, Việt kiều bấn lên, nghĩ ngợi. Có điều chúng ta nghĩ theo quan điểm chúng ta nên thấy rắc - rối. Hãy thử đứng về phía cộng sản mà suy nghĩ sẽ thấy đòn đoàn tụ hay ra phết.

– Thứ nhất, gạt dư luận Tây phương để được tiếng nhân đạo.

– Thứ nhì, gỡ gạc chút tình cảm của Việt kiều, trong khuôn khổ chính sách Việt kiều vận.

– Thứ ba, tống xuất các phần tử chống đối ( Hoa kiều , chẳng hạn) và những phần tử lão nhược, tàn phế, không thể sản xuất. Nhân tiện , cài vào một số cán bộ để ra ngoài mà hoạt động trong giới tị nạn.

– Thứ tư, lột hết tiền bạc gia sản của kẻ ra đi, kiếm một khoản thu đáng kể.

– Thứ năm, nhan xúi Việt kiều ngoài nước và dân chúng trong nước lập đơn xin đoàn tụ mà truy tầm đầy đủ tung tích của những người dân miền Nam có thân nhân ở hải ngoại. Hồ sơ 'quí báu' ấy sẽ dùng về sau khi cần gây áp lực với kiều•

bào ngoài nước, hay cần thanh lọc guồng máy xã hội trong nước.

Như thế không thể bảo ông DeHaan không được việc cho nhà cầm quyền Hà nội.

## MỘT GIẢI ĐÁP

Trong khi ông DeHaan và nhà cầm quyền Hà nội tung ra toàn những tin lạc quan về một chính sách nhân đạo thì dân chúng nam Việt nam lặng lẽ 'trả lời' họ bằng cách liều mình vượt biển nhiều hơn bao giờ hết.

Riêng trong một tháng 4 vừa qua người ta tính ra có đến 33 nghìn người Việt nam vã Lào trốn thoát ra ngoài. Trong số ấy có 26.000 người đi bằng đường bể.

## JOAN BAEZ VÀ VIỆT NAM

Ngày 30-5-79, Uỷ ban Quốc tế Nhân quyền đã công bố một bức thư ngỏ gửi đến chính phủ cọng sản Việt nam, đăng trên bốn tờ báo lớn của Hoa kỳ.

Bức thư mang chữ ký của Joan Baez, chủ tịch Uỷ ban, và 83 nhân vật khác, trong số có những văn nghệ sĩ và nhà trí thức tiếng tăm. Nội dung bức thư vạch trần các hành vi chà đạp nhân quyền tại Việt nam hiện nay và yêu cầu nhà cầm quyền chấm dứt sự tù đày và ngược đãi dân chúng.

Ai nấy còn nhớ Joan Baez trước đây là một trong những tay phản chiến có ảnh hưởng tại Mỹ, đã tiếp tay đắc lực Hà nội trong cuộc chiếm cứ nam Việt nam. Joan Baez vừa thức tỉnh sau khi hai chục triệu người Việt nam sa vào hỏa ngục. Tuy vậy, Joan Baez vẫn còn là một kẻ giác ngộ sớm, đáng khen lắm.

## TRUYỀN DAI ANH EM XÃ NGHĨA.

Hai nước anh em xa nghĩa họp nhau năm phiên ở Hà nội. Bên này nói bất cứ điều gì bên kia cũng lập tức bác bỏ. Lắc đầu nguầy nguậy: 'Em chả, em chả!'

Tuy vậy mà đôi bên lại thực hiện trao đổi tù binh, điều không thỏa thuận công khai trước bàn hội nghị. Rồi đôi bên lại đặt nhau vào những cuộc họp khác, lần này ở Bắc kinh, vào ngày 25 tháng 6 này.

Về việc trao đổi tù binh, sau ba cuộc trao đổi đầu Hoa thả 725, Việt thả 98. Hai cuộc trao đổi khác sẽ diễn ra vào ngày 13 và 22 tháng 6.

Hoa tuyên bố đã giữ tất cả 1.600 tù binh Việt trong tay,

trong khi ấy Việt bảo chí bắt sống được 240 Hoa binh. Hoa bắt nhiều hơn Việt gần 7 lần.

Như thế là thế nào ?

Trong khi đang đánh nhau, Việt cọng cho biết họ giết Hoa binh chết như ra, con số công bố nghe phát khiếp. Vậy lính Tàu dễ giết mà khó bắt hơn lính Việt, nghĩa là thà chết không chịu để lọt vào tay giặc ? nghĩa là tinh thần cao hơn ?

Nhà cầm quyền Hà nội vừa bắt binh sĩ đi hy sinh khắp các mặt trận, vừa xài xể những máu của họ, vừa lăm nhục bêu xấu họ Sao đến nỗi thế ?

## SINH VIỆT TỬ MIÊN !

Từ sau ngày 5–1–79, người ta đồn rằng Pol Pot đã chết trong trận tấn công của quân cọng sản Việt nam qua Cam-bốt

Giữa tháng 5–79, ngày 14, chợt ông ta lên tiếng trên đài phát thanh Khờ.me đỏ, tuyên bố đã giết được 40.000 quân cọng sản Việt và kêu gọi dân Miên chịu khó giết thêm độ vài chục nghìn nữa trong vòng năm tháng tới để sớm hoàn-tất công cuộc thu hồi chủ quyền đất nước.

Người ta còn nhớ trước 1975 các cán binh Bắc Việt bị bắt xăm trên cánh tay bốn chữ 'Sinh Bắc tử Nam'. Bây giờ, có phải nhà nước đang dạy thanh niên Việt nam hồ hởi xăm thêm bốn chữ *Sinh Việt tử Miên* ?

## CƠ SỞ PHÁT HÀNH THIÊN THƯ

Cũng tại đất San Jose kỳ diệu nói trên vừa dựng lên cơ-sở phát hành sách báo Việt ngữ, do ông Võ Thành Văn đảm trách.

Cơ sở hoạt động nhằm mục đích phát huy văn hóa Việt, và va không nhận thù lao.

## HỒNG Y MỚI TẠI VIỆT NAM

Sau khi đức hồng y Trịnh như Khuê qua đời, đức Tổng - giám mục Hà nội Trịnh văn Căn vừa được đức Giáo hoàng Gioan Gioan Phaolô II vinh thăng Hồng y vào ngày 26 tháng 5 vừa qua.

## GIÁO HỘI TĂNG GIÀ HẢI NGOẠI

Đại hội tăng già Phật giáo Việt anam hải ngoại, sau hai ngày họp tại Hoa thịnh đốn đã quyết định thành lập Giáo hội Tăng già Việt nam Hải ngoại, Quyết định trên được công bố

ngày 6–5–79, nhân dịp lễ Phật đản.

Thành phần Hội đồng giáo phẩm Giáo hội Tăng già Phật giáo như sau :

Thượng thủ: Hòa thượng Thích Tâm Châu.
Đệ nhất phụ tá : Hòa thượng Thích Thanh Cát.
Đệ nhị phụ tá : Hòa thượng Thích Giác Nhiên.
Tổng thư ký: Thượng tọa Thích Giác Đức.
Tổng vụ trưởng Tăng sự:Hòa thượng Thích Giác Nhiên
Tổng vụ trưởng Giám luật : Hòa thượng Thích Thanh Cát
Tổng vụ trưởng Phật học:Hòa thượng Thích Trung Quán
Tổng vụ trưởng Hoằng pháp:Đại đức Thích Tịnh Đức.
Tổng vụ trưởng Hướng dẫn Hội đoàn: Đại đức Thích Tâm Thở.
Tổng vụ trưởng Thanh niên;Thượng tọa Thích Giác Đức.
Tổng vụ trưởng giáo san: Đại đức Thích Minh Hạnh.
Tổng vụ trưởng Xã hội : Đại đức Thích Thanh Đạm.

HỒ-BẠCH-VÂN

---


# Lại thư gửi bạn

## của Võ Phiến

NGƯỜI VIỆT XUẤT BẢN
Giá mỗi cuốn : $US. 4.00

Chi phiếu xin đề :

Mrs. Ngô-Hồng-Phúc
Post Office Box 486
Westminster, Ca. 92683 (USA)


---

Hiệp Hội VIETNAMESE ARTISTS ASSOC.
bảo trợ Xuất bản các tác phẩm sau đây:

# INK DROPS

(Tức cuốn "*NHỮNG GIỌT MỰC*")
*của nhà văn LÊ-TẤT-ĐIỀU*
*bản Anh văn của JAMES BANERIAN*
**Đã phát hành. Giá : $5.00**

# Where you can see the whole rainbow

*(tức cuốn "ĐÓNG CỬA TRẦN GIAN")*
*bản Anh văn cũng một dịch giả.*
**Đang in**

**Hội sẵn sàng đón nhận các ngân khoản hoặc ủng hộ, hoặc cho vay, hoặc đặt mua sách. Những độc giả vui lòng tiếp tay với công cuộc văn hoá này, xin liên lạc với :**

Ông LÊ SÁNG NGHIỆP
P.O. Box 19555,
San Diego, Calif. 92119

## CÁO LỖI

Văn Học Nghệ Thuật số 12, vì những lý do riêng, nên không thể ra mắt đúng kỳ hạn, mặc dù chúng tôi đã hết lòng cố gắng.

Chúng tôi thành thực xin quí vị độc giả thông cảm và tha thứ.

VHNT.

## ĐỊA CHỈ MỚI
## Của VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

**********

Tòa báo đã dời đến địa chỉ mới. Vậy kể từ nay, xin quí văn hữu và độc giả chú ý :

* Bài vở xin gửi đến bản báo chủ bút :
Mr. Lê-Tất-Điều

* Thư từ mua báo và chi phiếu xin đề :
Mrs. Ngô-Hồng-Phúc

Cùng một địa chỉ :

Post Office Box 486
Westminster, Ca. 92683 (USA)

*THÔNG BÁO* **********

*Chúng tôi trân trọng báo tin : Hạn mua báo của quí vị chấm dứt sau số .....*

*Chúng tôi mong sớm nhận được phiếu mua để tiếp tục gửi báo đến quí vị, hầu khỏi có sự gián đoạn đáng tiếc.*

(Nếu không thấy ghi số hết hạn tại mục này trong tờ báo của quí vị, tức là hạn mua báo của quí vị vẫn còn.)

ĐÂY LÀ MỘT BĂNG NHẠC LỊCH SỬ LÀM SỐNG LẠI
CẢ MỘT THUỞ HUY HOÀNG CỦA NƯỚC VIỆT
CHỈ CẦN MỘT BĂNG NHẠC

# Những bài hát đi vào lịch sử

LÀ ĐỦ LÀM NỔI ĐÌNH ĐÁM CƯỚI MỘT BUỔI MEETING

## MẶT A.

1. Quốc ca VIỆT NAM CỘNG HÒA ( Hợp ca)
2. Chung khúc Việt Nam (Hợp ca)
3. Bình Long anh dũng (Hợp ca)
4. Kontum kiêu hùng (hợp ca)
5. Quảng trị vùng dậy (hợp ca)
6. Đoàn quân chiến thắng (hợp ca)
7. Người ở lại Charlie (Nhật Trưởng, Thanh Lan)
8. Không, anh không chết đâu em (NT, Th-Lan)
9. Kỷ vật cho em (Lệ Thu)
10. Tấm thẻ bài (Thanh Thúy)
11. Người tình không chân dung (Thanh Lan)

## MẶT B.

12. Chuyện một đêm (Trang Mỹ Dung)
13. Bà mẹ Gio Linh (Thái Thanh)
14. Bà mẹ Trị Thiên (Nhật Trưởng)
15. Xin chia buồn (Elvis Phương)
16. Đó quê hương tôi (Elvis Phương)
17. Đêm nguyện cầu (Thanh Vũ)
18. Nối lại quê hương (Diễm Phúc)
19. Hờn sông Gianh (Anh Khoa)
20. Chiều hồn tử sĩ (Thái Thanh)
21. Quốc ca Việt Nam Cộng Hòa (Hợp ca)

SCOTCH MASTERING TAPE C-94 TRUNG THỰC, BỀN BỈ
GIÁ : 8 MỸ KIM MỘT CUỘN KỂ CẢ CƯỚC PHÍ HẠNG I

LOVINA CÔNG TY xin kính biếu mỗi hội đoàn Việt nam một băng nhạc "Những bài hát đi vào lịch sử" để dùng trong các buổi lễ. Xin quí vị chủ tịch vui lòng liên lạc với LOVINA bằng văn thư chính thức.

LOVINA INC.
P. O. Box 7235
Fort Lauderdale, Florida 33338

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
P.O. BOX 486
WESTMINSTER, CA. 92683 USA.

TRONG NHỮNG SỐ TỚI :

*MỘT THIÊN TÙY BÚT LẠI CÀNG NÃO NHÂN*

● của **VÕ PHIẾN**

*THIÊN TRUYỆN ĐẶC Ý NHẤT ĐƯỢC VIẾT TỪ NGÀY ĐẾN HOA KỲ.*

● của **MẶC ĐỖ**

# VĂN HỌC Nghệ thuật

ĐÓNG TẬP
TỪ SỐ 1 ĐẾN SỐ 9

*QUÍ BẠN NÀO MUA XIN DẶN TRƯỚC SỐ DỰ ĐỊNH CÓ HẠN.*

GIÁ : 2.00